|  |  |
| --- | --- |
| **QUỐC HỘI**Luật số:.…. /2025/QH15**DỰ THẢO****Tháng 12/2024** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
|  |  |

**LUẬT**

**CẤP, THOÁT NƯỚC**

*Căn cứ* [*Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Hien-phap-nam-2013-215627.aspx)*;*

*Quốc hội ban hành Luật Cấp, Thoát nước.*

## Chương I

## NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

#  Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Luật Cấp, Thoát nước quy định về cơ sở dữ liệu, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, đầu tư phát triển cấp nước sạch, thoát nước mưa, nước thải và xử lý nước thải; quản lý, vận hành, bảo đảm an toàn công trình và cung cấp dịch vụ cấp, thoát nước; quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong hoạt động cấp, thoát nước.

2. Đối tượng án dụng

Các tổ chức, cá nhân sử dụng nước sạch, xả nước thải và các tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến hoạt động cấp, thoát nước thuộc lãnh thổ của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

#  Giải thích từ ngữ

Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Cấp, thoát nước* bao gồm các lĩnh vực khai thác nước thô, cấp nước thô, cấp nước sạch, thoát nước mưa, thu gom nước thải và xử lý nước thải.
2. *Dịch vụ cấp, thoát nước* là các hoạt động về quản lý, vận hành hệ thống cấp nước, thoát nước nhằm đáp ứng yêu cầu khai thác nước thô, sử dụng nước sạch, thoát nước mưa, nước thải và xử lý nước thải, bùn thải theo các quy định của pháp luật.
3. *Quy hoạch cấp, thoát* *nước* là quy hoạch hạ tầng kỹ thuật có tính chất kỹ thuật chuyên ngành về cấp, thoát nước hoặc là nội dung quy hoạch cấp, thoát nước trong quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, quy hoạch đô thị và nông thôn.
4. *Cơ sở dữ liệu cấp, thoát nước* là tập hợp các thông tin dữ liệu chuyên ngành về cấp, thoát nước được xây dựng, cập nhật, duy trì để quản lý, khai thác và sử dụng thông qua phương tiện điện tử.
5. *Hành lang bảo vệ an toàn công trình cấp, thoát nước* là phần đất, mặt nước giới hạn dọc theo mạng lưới cấp, thoát nước hoặc bao quanh công trình cấp, thoát nước được quy định để bảo vệ, duy trì chức năng hoạt động của công trình.
6. *Cấp nước trong tình thế cấp thiết* là tình thế của đơn vị cấp nước phải duy trì dịch vụ cấp, thoát nước để tránh hoặc giảm thiểu nguy cơ đe dọa lợi ích của Nhà nước, cộng đồng, tổ chức, cá nhân mà không còn cách nào khác là phải chấp nhận một thiệt hại nhỏ hơn thiệt hại cần ngăn ngừa.
7. *Nước thô* là nguyên liệu đầu vào của các nhà máy nước để xử lý thành nước sạch; nước thô được khai thác, truyền dẫn từ nguồn nước tự nhiên hoặc từ các công trình nhân tạo.
8. *Nước sạch* là nước có chất lượng nước đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sinh hoạt, bảo đảm yêu cầu nước ăn uống, sinh hoạt của con người. Cấp nước sạch sử dụng cho mục đích ăn uống, sinh hoạt của con người được gọi là cấp nước sinh hoạt.
9. *Hoạt động cấp nước* là các hoạt động liên quan về xây dựng cơ sở dữ liệu, quy hoạch, tư vấn thiết kế, đầu tư xây dựng, quản lý vận hành hệ thống cấp nước, dịch vụ cấp nước và sử dụng nước.
10. *Vùng cấp nước* là khu vực có phạm vi nhất định được cấp nước, truyền tải nước từ công trình cấp nước tập trung của một hoặc một số nhà máy nước; vùng cấp nước được xác định trong nội dung quy hoạch cấp nước.
11. *Vùng phục vụ cấp nước* là khu vực có ranh giới cụ thể, do một đơn vị cấp nước có nghĩa vụ cung cấp dịch vụ cấp nước trực tiếp đến khách hàng sử dụng nước.
12. *Đơn vị cấp nước* là tổ chức thực hiện một phần hoặc tất cả hoạt động đầu tư xây dựng, quản lý, vận hành, khai thác công trình cấp nước, cung cấp dịch vụ cấp nước bán buôn và bán lẻ nước sạch; hoặc là tổ chức do chủ đầu tư thuê quản lý, vận hành và cung cấp dịch vụ cấp nước.
13. *Hệ thống cấp nước/Hệ thống cấp nước tập trung* là tổ hợp các công trình khai thác, truyền dẫn nước thô, xử lý nước, mạng lưới cấp nước sạch và các công trình phụ trợ có liên quan.
14. *Công trình cấp nước* là công trình độc lập hoặc tổ hợp nhiều công trình của hệ thống cấp nước.
15. *Công trình cấp nước tập trung* là hệ thống cấp nước quy mô, công suất lớn, phạm vi cấp nước liên tỉnh (cấp vùng), liên huyện (cấp tỉnh), liên xã (cấp huyện)*.*
16. *Công trình cấp nước phân tán* là hệ thống cấp nước quy mô, công suất nhỏ, cấp nước cho khu dân cư, khu vực sản xuất, dịch vụ bị giới hạn phạm vi cấp nước bởi điều kiện địa hình, phân bố dân cư và công trình cấp nước tập trung chưa thể tiếp cận được.
17. *Công trình cấp nước quy mô hộ gia đình* là công trình khai thác, xử lý, lưu trữ, phân phối nước cho một hoặc một nhóm hộ gia đình.
18. *Mạng lưới cấp nước* là hệ thống đường ống nước sạch có áp suất truyền dẫn từ nơi sản xuất đến nơi tiêu thụ, bao gồm mạng lưới truyền tải (cấp I), mạng lưới phân phối (cấp II), mạng lưới dịch vụ (cấp III) và các công trình phụ trợ có liên quan.
19. *Công trình cấp nước sinh hoạt đặc biệt quan trọng* là nhà máy nước và mạng lưới truyền tải nước sạch có mục đích cấp nước sinh hoạt, có ảnh hưởng lớn hoặc tiềm ẩn khả năng ảnh hưởng nghiêm trọng tới sức khỏe, cuộc sống cộng đồng hoặc có tính chất bảo đảm quốc phòng, an ninh.
20. *Công trình cấp nước quy mô vùng liên tỉnh* là hệ thống truyền dẫn nước thô hoặc hệ thống cấp nước sạch có phạm vi cấp nước nằm trên địa giới hành chính ngoài địa bàn một tỉnh.
21. *Bảo đảm an ninh, an toàn cấp nước* là những hoạt động, giải pháp nhằm giảm thiểu, loại bỏ, phòng ngừa các nguy cơ, rủi ro gây mất an ninh, an toàn cấp nước từ nguồn nước qua các công đoạn thu nước, xử lý, dự trữ và phân phối đến khách hàng sử dụng nước.
22. *Nước thải* là nước đã bị thay đổi đặc điểm, tính chất được thải ra từ hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, sinh hoạt hoặc hoạt động khác.
23. *Hoạt động thoát nước* là các hoạt động liên quan về xây dựng cơ sở dữ liệu, quy hoạch, tư vấn thiết kế, đầu tư xây dựng, quản lý vận hành hệ thống thoát nước, cung cấp dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải, thu gom và xử lý bùn thải của hệ thống thoát nước.
24. *Hệ thống thoát nước* *mưa* bao gồm mạng lưới ống, cống, kênh, mương thoát nước mưa, công trình điều hòa, trạm bơm nước mưa, cửa thu, giếng thu nước mưa, cửa xả và các công trình phụ trợ khác nhằm mục đích thu gom và tiêu thoát nước mưa.
25. *Hệ thống thoát nước thải* bao gồm mạng lưới ống, cống và công trình trên mạng thu gom, truyền dẫn nước thải; trạm bơm nước thải, nhà máy xử lý nước thải; kênh, mương tiêu thoát nước sau xử lý ra dòng chảy mặt và các công trình phụ trợ khác nhằm mục đích thu gom, tiêu thoát và xử lý nước thải.
26. *Hệ thống thoát nước* là tổ hợp các công trình của hệ thống thoát nước mưa, hệ thống thoát nước thải.
27. *Công trình thoát nước* là công trình độc lập hoặc tổ hợp nhiều công trình của hệ thống thoát nước.
28. *Công trình xử lý nước thải tập trung* là hệ thống thoát nước thải có mô hình thu gom và xử lý nước thải tập trung với quy mô công suất lớn, phạm vi thu gom nước thải rộng cho một phần hoặc toàn bộ đô thị và nông thôn.
29. *Công trình xử lý nước thải phân tán* là hệ thống thoát nước thải có mô hình thu gom và xử lý nước thải quy mô công suất nhỏ cho khu dân cư, khu vực sản xuất trong bối cảnh hệ thống xử lý nước thải tập trung chưa thể tiếp cận được.
30. *Lưu vực thoát nước mưa* là khu vực tập trung dòng chảy mặt theo điều kiện địa hình tự nhiên, thủy văn, hải văn và được xác định trong nội dung quy hoạch thoát nước.
31. *Lưu vực thoát nước thải* là khu vực thu gom nước thải tự chảy hoặc bơm truyền dẫn về nhà máy xử lý nước thải; lưu vực thoát nước thải có phạm vi nhất định và được xác định trong nội dung quy hoạch thoát nước.
32. *Đơn vị thoát nước* là tổ chức cung ứng dịch vụ quản lý, vận hành hệ thống thoát nước theo hợp đồng quản lý vận hành hoặc là tổ chức do chủ đầu tư hệ thống thoát nước tự tổ chức quản lý vận hành.
33. *Hộ thoát nước* là các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình sinh sống và hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam xả nước mưa, nước thải vào hệ thống thoát nước.
34. *Đấu nối hệ thống thoát nước* là kết nối cống thoát nước từ hộ thoát nước vào hệ thống thoát nước.
35. *Bùn thải* là bùn cặn dạng hữu cơ hoặc vô cơ hoặc bùn hỗn hợp được nạo vét, thu gom từ các bể tự hoại, hồ điều hòa, hệ thống thoát nước và hệ thống cấp nước.
36. *Phát triển cấp, thoát nước* là biện pháp mở rộng, nâng cao chất lượng dịch vụ cấp, thoát nước; bảo đảm cấp, thoát nước an toàn, hiệu quả, bảo vệ môi trường và phòng, chống ngập úng.

#  Nguyên tắc quản lý hoạt động cấp, thoát nước

1. Nước sạch là hàng hóa đặc biệt; là sản phẩm, dịch vụ thiết yếu đối với đời sống kinh tế - xã hội của đất nước, cộng đồng dân cư.

2. Hoạt động cấp nước sạch là hoạt động sản xuất, kinh doanh có điều kiện, chịu sự kiểm soát của Nhà nước; được xác định là hoạt động cung cấp dịch vụ công ích đối với hoạt động cấp nước sạch khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo. Dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải đô thị và nông thôn là hoạt động cung cấp dịch vụ công ích.

3. Hoạt động cấp, thoát nước phải được quản lý bảo đảm an ninh, an toàn, thích ứng điều kiện biến đổi khí hậu và phát triển bền vững, đồng bộ với mục đích bảo vệ môi trường; tăng cường sử dụng nước mưa, tái sử dụng nước thải, bùn thải; sản xuất và sử dụng nguồn năng lượng xanh theo mô hình kinh tế tuần hoàn.

4. Quản lý hoạt động cấp nước theo điều kiện nguồn nước, kinh tế - xã hội; quản lý hoạt động thoát nước theo điều kiện phân bố dân cư, địa hình, lưu vực, thủy văn, hải văn và đặc điểm, yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội; quản lý hoạt động cấp, thoát nước không phụ thuộc vào địa giới hành chính.

5. Tổ chức, cá nhân được quyền tiếp cận nguồn nước sạch theo hệ thống cấp nước; được quyền và có nghĩa vụ, trách nhiệm đấu nối vào hệ thống thoát nước trên địa bàn; có trách nhiệm chi trả tiền sử dụng dịch vụ cấp, thoát nước theo quy định, bảo đảm lợi ích chung.

#  Chính sách phát triển cấp, thoát nước

1. Phát triển hệ thống cấp, thoát nước theo hướng thân thiện môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu, phù hợp với xu hướng phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, chuyển đổi số; nâng cao sức khỏe cộng đồng và bảo vệ môi trường.

2. Đa dạng hóa hình thức đầu tư công trình cấp, thoát nước; khuyến khích xã hội hóa, huy động nguồn lực tư nhân tham gia đầu tư và quản lý vận hành công trình cấp, thoát nước.

3. Ưu tiên, hỗ trợ đầu tư xây dựng, vận hành công trình cấp, thoát nước vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng bị ô nhiễm, khan hiếm nước, vùng bị ảnh hưởng của biến đổi khí hậu.

4. Huy động các nguồn lực nhà nước và ưu tiên các nguồn thu từ hoạt động thoát nước cho đầu tư, quản lý vận hành hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý nước thải theo từng giai đoạn phát triển kinh tế - xã hội.

5. Khuyến khích đầu tư phát triển công trình cấp nước tập trung, kết nối cấp nước từ khu vực đô thị cho khu vực nông thôn; hạn chế đầu tư công trình cấp nước phân tán cho khu vực mở rộng vùng cấp nước của các công trình cấp nước tập trung.

6. Nhà nước ưu tiên nguồn lực đầu tư xây dựng công trình điều hòa nước, hồ trữ nước và hỗ trợ hoạt động cấp, thoát nước trong trường hợp phòng, chống, khắc phục hậu quả do thiên tai (hạn hán, lũ lụt, xâm nhập mặn, động đất, sóng thần, lũ quét…).

7. Khuyến khích, hỗ trợ công tác đào tạo, nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ tiên tiến, công nghệ thông minh, tiết kiệm năng lượng và thân thiện môi trường trong quản lý, đầu tư phát triển cấp, thoát nước.

8. Khuyến khích, ưu đãi thuế đối với tổ chức, cá nhân quản lý vận hành công trình cấp, thoát nước ứng dụng giải pháp phát thải thấp, kinh tế tuần hoàn theo quy định của pháp luật về thuế, đầu tư.

9. Ưu tiên nguồn điện cho nhà máy nước sạch, nước thải và các trạm bơm nước thô, nước sạch, nước mưa, nước thải.

#  Sử dụng đất cho công trình cấp, thoát nước

1. Trên cơ sở nội dung quy hoạch cấp, thoát nước trong quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, quy hoạch đô thị và nông thôn, quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức cập nhật, bổ sung quỹ đất xây dựng công trình cấp, thoát nước trong quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh, cấp huyện và kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh, cấp huyện.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện theo phân cấp tổ chức quản lý quỹ đất xây dựng công trình cấp, thoát nước theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; tổ chức giao đất, cho thuê đất xây dựng công trình cấp, thoát nước phù hợp với quy hoạch, kế hoạch phát triển cấp, thoát nước trên địa bàn.

3. Miễn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất đối với công trình cấp, thoát nước bao gồm: nhà máy nước; trạm bơm nước; bể, tháp chứa nước; tuyến ống cấp nước, thoát nước; hồ điều hòa; công trình xử lý nước, bùn, bùn thải kể cả nhà làm việc, nhà kho, cơ sở sản xuất, sửa chữa, bảo dưỡng công trình cấp nước, thoát nước.

4. Ưu tiên quỹ đất cho công trình thoát nước mưa chống ngập, trạm bơm thoát nước, hồ điều hòa, hồ sơ lắng, nhà máy xử lý của các dự án cấp, thoát nước trong công tác quy hoạch, đầu tư xây dựng.

#  Nguồn nước cho hệ thống cấp nước

1. Nguồn nước mặt, nước dưới đất, nước mưa, nước biển và nguồn nước tái sử dụng khác được sử dụng làm nguồn nước thô cho các hệ thống cấp nước; việc khai thác, bảo vệ nguồn nước thô cho hệ thống cấp nước tuân thủ quy định pháp luật về tài nguyên nước.

2. Ưu tiên khai thác các nguồn nước mặt làm nguồn nước thô cho hệ thống cấp nước. Nguồn nước dưới đất và công trình khai thác nguồn nước dưới đất đã dừng hoạt động được sử dụng làm nguồn nước dự phòng, được quản lý, bảo vệ và duy trì.

3. Lựa chọn nguồn nước thô cho hệ thống cấp nước dựa theo nhu cầu, khả năng khai thác và hiệu quả kinh tế khi áp dụng công nghệ xử lý nước; phải xem xét tính ổn định và bền vững về chất lượng, lưu lượng trong điều kiện biến đổi khí hậu, thiên tai, nguy cơ ô nhiễm do chất thải.

4. Theo điều kiện và khả năng nguồn nước, cơ quan quản lý cấp nước và đơn vị cấp nước tại địa phương lập phương án nguồn nước dự phòng thích ứng với tác động biến đổi khí hậu, sự cố ô nhiễm nguồn nước trong quy hoạch, kế hoạch phát triển cấp nước.

5. Trường hợp nguồn nước hạn chế do điều kiện tự nhiên, tác động biến đổi khí hậu, hạn hán, xâm nhập mặn hoặc do thiên tai, chiến tranh, việc bảo đảm nguồn nước thô cho cấp nước sinh hoạt được ưu tiên hàng đầu.

6. Việc quy hoạch, đầu tư, xây dựng đập, hồ chứa nước thủy lợi, thủy điện phải bảo đảm đa mục tiêu, phải tính toán và ưu tiên nguồn nước thô cho cấp nước sinh hoạt. Hệ thống cấp nước có sử dụng nguồn nước thô từ các công trình thủy lợi, thủy điện có nghĩa vụ trả tiền nước thô theo quy định của pháp luật.

# Nguyên tắc kết hợp công trình cấp, thoát nước với các công trình hạ tầng kỹ thuật

1. Quy hoạch, đầu tư xây dựng công trình kết cấu hạ tầng giao thông và công trình hạ tầng kỹ thuật khác có liên quan đến công trình hạ tầng cấp, thoát nước phải xem xét, bố trí bảo đảm hệ thống cấp, thoát nước đồng bộ, thống nhất; bảo đảm lưu thông nước trong lưu vực và thoát nước chống ngập đô thị, khu dân cư nông thôn.

2. Quy hoạch, đầu tư xây dựng công trình thủy lợi về tưới, tiêu nước bên ngoài ranh giới hệ thống thoát nước đô thị và nông thôn phải bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất với quy hoạch, đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước đô thị và nông thôn.

3. Việc xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật phải có giải pháp bảo đảm lưu thông nước trong lưu vực và thoát nước chống ngập đô thị, nông thôn.

4. Các dự án đầu tư mới hoặc cải tạo công trình cấp, thoát nước phải có giải pháp giảm thiểu tối đa tác động ảnh hưởng đến kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy, thủy lợi, đê điều; được hỗ trợ, tạo điều kiện thi công mạng lưới cấp, thoát nước đồng thời với thi công xây dựng các công trình giao thông.

5. Trong trường hợp kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy chưa được đầu tư xây dựng theo quy hoạch, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc cơ quan được ủy quyền phối hợp với cơ quan quản lý kết cấu hạ tầng giao thông, quyết định việc ưu tiên thi công xây dựng mạng lưới cấp, thoát nước đáp ứng nhu cầu sử dụng nước sạch và xử lý nước thải trên địa bàn; việc di dời công trình cấp, thoát nước được bồi thường, hỗ trợ theo quy định pháp luật về đầu tư và đất đai.

6. Nguồn nước chữa cháy lấy từ trụ nước chữa cháy thuộc hệ thống cấp nước tập trung, hệ thống cấp nước chữa cháy, bồn, bể, ao, hồ, sông, suối, kênh hoặc nguồn nước sẵn có khác tuân thủ theo quy định pháp luật về phòng cháy, chữa cháy.

# Phát triển khoa học công nghệ trong hoạt động cấp, thoát nước

1. Khuyến khích nghiên cứu, phát triển khoa học công nghệ và ứng dụng, chuyển giao trong hoạt động cấp, thoát nước.

2. Các dự án đầu tư xây dựng mới hoặc cải tạo, nâng cấp công trình cấp, thoát nước phải xem xét, ứng dụng công nghệ tiên tiến, an toàn và thân thiện với môi trường; tiết kiệm đất, tiết kiệm năng lượng, tiết kiệm nước; có khả năng phát triển mở rộng và nâng cao hiệu quả hoạt động trong tương lai.

3. Ưu tiên ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ, hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến, công nghệ thông tin, công nghệ số trong hoạt động quản lý, vận hành, bảo trì, bảo vệ hệ thống cấp, thoát nước; nâng cao chất lượng dịch vụ cấp, thoát nước và kiểm soát rủi ro, ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng; khuyến khích nghiên cứu, phát triển, sản xuất và sử dụng thiết bị hiện đại, chất lượng cao trong công trình cấp, thoát nước.

4. Các tổ chức, cá nhân đầu tư, vận hành công trình cấp, thoát nước ứng dụng khoa học công nghệ đạt hiệu quả về môi trường và xã hội được hưởng chính sách ưu đãi theo pháp luật khoa học và công nghệ.

# Hợp tác quốc tế trong hoạt động cấp, thoát nước

1. Mở rộng hợp tác quốc tế và hội nhập quốc tế về hoạt động cấp, thoát nước trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền quốc gia và các bên cùng có lợi; tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam, điều ước quốc tế có liên quan đến hoạt động cấp, thoát nước mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

2. Nhà nước tạo điều kiện thuận lợi để tổ chức, cá nhân nước ngoài tham gia nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, đào tạo, chia sẻ kinh nghiệm liên quan đến hoạt động cấp, thoát nước; tham gia đầu tư, quản lý dự án cấp, thoát nước.

3. Các hoạt động liên quan đến bảo đảm an ninh, an toàn cấp, thoát nước phải tuân thủ theo quy định pháp luật hiện hành của Việt Nam.

# Sự tham gia của cộng đồng trong hoạt động cấp, thoát nước

1. Nhà nước tạo điều kiện cho người dân và cộng đồng thực hiện chức năng giám sát hoạt động đầu tư, quản lý, vận hành công trình cấp, thoát nước theo quy định của pháp luật.

2. Được quyền tham gia ý kiến và giám sát dịch vụ cấp, thoát nước trong hợp đồng thực hiện dịch vụ cấp nước và quy định dịch vụ thoát nước trên địa bàn.

3. Phát hiện, ngăn chặn, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý các vi phạm pháp luật trong hoạt động cấp, thoát nước.

4. Bộ quản lý ngành hướng dẫn quy trình tham gia ý kiến và giám sát của cộng đồng trong quá trình xây dựng, ký kết và tổ chức thực hiện hợp đồng thực hiện dịch vụ cấp, thoát nước.

# Các hành vi bị cấm

1. Phá hoại các công trình, trang thiết bị của hệ thống cấp, thoát nước. Đấu nối trái phép vào hệ thống cấp, thoát nước.

2. Vi phạm các quy định về bảo vệ vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt và quy định về hành lang bảo vệ nguồn nước, hành lang bảo vệ công trình cấp, thoát nước.

3. Gây ô nhiễm, phát tán chất độc hại và các bệnh truyền nhiễm, bệnh dễ lây lan vào nguồn nước sạch.

4. Trộm cắp nước sạch; xả trộm nước thải hoặc xả nước thải không đạt quy chuẩn quy định.

5. Dừng cung cấp dịch vụ cấp nước sai quy định hợp đồng hoặc gây mất nước quá thời gian quy chuẩn kỹ thuật quốc gia quy định trừ trường hợp bất khả kháng.

6. Đổ, thải các chất rắn, lỏng, chất thải, rác thải hoặc làm rò rỉ các chất độc hại, xả khí thải độc hại vào hệ thống cấp, thoát nước

7. Chống đối, cản trở hoặc không chấp hành quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền trong việc ứng phó khẩn cấp khi công trình cấp, thoát nước xảy ra sự cố.

8. Không chi trả giá dịch vụ cấp, thoát nước khi sử dụng dịch vụ.

9. Dừng cung cấp dịch vụ thoát nước đối với hộ thoát nước là hộ gia đình chỉ xả nước thải sinh hoạt.

10. Các hành vi khác vi phạm quy định của pháp luật về cấp, thoát nước.

## Chương II

## CHIẾN LƯỢC, QUY HOẠCH VÀ KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN CẤP, THOÁT NƯỚC

## Mục 1

## HỆ THỐNG THÔNG TIN, CƠ SỞ DỮ LIỆU CẤP, THOÁT NƯỚC

# Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu cấp, thoát nước

1. Hệ thống thông tin về cấp, thoát nước là tập hợp phần cứng, phần mềm và cơ sở dữ liệu nhằm tạo, lập, cung cấp, truyền đưa, thu thập, xử lý, lưu trữ và trao đổi thông tin liên quan đến hoạt động cấp, thoát nước.

2. Thông tin, cơ sở dữ liệu về cấp, thoát nước bao gồm:

a) Số lượng, chất lượng hệ thống cấp nước; hệ thống thoát nước, ngập úng;

b) Chỉ số, chỉ tiêu chất lượng dịch vụ, hoạt động cấp, thoát nước;

c) Dữ liệu kiểm kê, điều tra, giám sát trực tuyến công trình cấp, thoát nước, dịch vụ cấp, thoát nước;

d) Thông tin, số liệu về quy hoạch cấp, thoát nước, vùng cấp nước, vùng phục vụ cấp nước, lưu vực thoát nước mưa, lưu vực thoát nước thải, bảo đảm cấp, thoát nước an toàn, điều kiện kinh doanh nước sinh hoạt, hợp đồng thực hiện dịch vụ cấp nước và hợp đồng quản lý vận hành công trình thoát nước.

3. Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu cấp, thoát nước phải bảo đảm các yêu cầu sau đây:

a) Tích hợp, kết nối, liên thông, chia sẻ dữ liệu cấp, thoát nước với cơ sở dữ liệu liên quan đến: điều tra cơ bản; đầu tư xây dựng và khai thác vận hành công trình cấp, thoát nước; cung cấp dịch vụ cấp, thoát nước của cơ quan, tổ chức, cá nhân; bảo đảm an ninh, an toàn thông tin;

b) Thuận tiện cho việc cung cấp dịch vụ cấp, thoát nước; truy cập, tiếp cận, sử dụng thông tin, dữ liệu và cập nhật thông tin vào hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu cấp, thoát nước theo quy định của pháp luật;

c) Được tích hợp thống nhất, đồng bộ trong cơ sở dữ liệu ngành, cơ sở dữ liệu quốc gia; việc sử dụng, chia sẻ cơ sở dữ liệu cấp, thoát nước phải bảo đảm an ninh, an toàn và hiệu quả.

4. Bộ quản lý ngành tổ chức xây dựng, quản lý, vận hành, duy trì Cổng thông tin điện tử về cấp, thoát nước phục vụ quản lý thông tin, cơ sở dữ liệu cấp, thoát nước.

5. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo việc cung cấp, cập nhật thông tin, cơ sở dữ liệu về cấp, thoát nước quy định tại khoản 2 Điều này thuộc phạm vi quản lý vào Cổng thông tin điện tử về cấp, thoát nước.

6. Chủ đầu tư hệ thống cấp, thoát nước và đơn vị cấp, thoát nước phải chia sẻ, cập nhật thông tin, cơ sở dữ liệu về cấp, thoát nước do mình thực hiện vào Cổng thông tin điện tử về cấp, thoát nước và được khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu của Cổng thông tin điện tử về cấp, thoát nước.

7. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

# Hoạt động điều tra cơ bản về cấp, thoát nước

1. Hoạt động điều tra cơ bản về cấp, thoát nước để thu thập thông tin, dữ liệu phục vụ xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển cấp, thoát nước; quản lý, tuyên truyền, giáo dục, bảo vệ, cải tạo, phát triển, khai thác, vận hành hệ thống cấp, thoát nước; phòng, chống và khắc phục các rủi ro tác động đến hệ thống cấp, thoát nước, bảo đảm cung cấp nước sạch và giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

2. Hoạt động điều tra cơ bản về cấp, thoát nước sử dụng nguồn vốn Nhà nước phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền thẩm định và nghiệm thu kết quả theo quy định của Bộ trưởng Bộ quản lý ngành.

3. Điều tra cơ bản về cấp, thoát nước bao gồm các hoạt động sau đây:

a) Điều tra, đánh giá hệ thống cấp nước, hệ thống thoát nước;

b) Điều tra, đánh giá chất lượng dịch vụ cấp, thoát nước, ngập úng;

c) Số liệu, tài sản cấp, thoát nước; vốn nhà nước đầu tư trong doanh nghiệp cấp, thoát nước;

d) Xây dựng và duy trì hệ thống giám sát trực tuyến chỉ số cấp, thoát nước; xây dựng, vận hành hệ thống công cụ hỗ trợ ra quyết định;

đ) Xây dựng báo cáo về thông tin, cơ sở dữ liệu cấp, thoát nước.

4. Thông tin, cơ sở dữ liệu trong điều tra cơ bản phải thống nhất, đồng bộ giữa điều tra cơ bản tài nguyên nước, thủy lợi, cấp, thoát nước với thông tin, cơ sở dữ liệu hạ tầng kỹ thuật đô thị, nông thôn.

5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

# Tổ chức thực hiện điều tra cơ bản

1. Hoạt động điều tra cơ bản về cấp, thoát nước được thực hiện định kỳ 05 năm đối với hoạt động quy định tại các điểm a, b, c Khoản 3 Điều 13 của Luật này.

2. Kinh phí cho hoạt động điều tra cơ bản về cấp, thoát nước được bố trí trong dự toán nguồn vốn nhà nước từ nguồn chi thường xuyên, chi đầu tư phát triển theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật về đầu tư công.

3. Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm:

a) Tổ chức thực hiện điều tra cơ bản về cấp, thoát nước trên địa bàn quy định tại Khoản 1 Điều này và cập nhật thông tin, dữ liệu vào Cổng thông tin điện tử về cấp, thoát nước;

b) Chỉ đạo các cơ quan, chủ đầu tư, đơn vị cấp, thoát nước trên địa bàn cập nhật thông tin, dữ liệu hằng năm vào Cổng thông tin điện tử về cấp, thoát nước;

c) Phê duyệt, công bố và quản lý kết quả điều tra cơ bản về cấp, thoát nước do mình tổ chức điều tra.

4. Bộ quản lý ngành có trách nhiệm tổng hợp, kiểm tra, đánh giá kết quả điều tra cơ bản trên phạm vi cả nước; quản lý, vận hành Cổng thông tin điện tử về cấp, thoát nước.

5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

# Cổng thông tin điện tử về cấp, thoát nước

1. Nội dung xây dựng và vận hành Cổng thông tin điện tử về cấp, thoát nước:

a) Giám sát, cập nhật tự động, trực tuyến số liệu cấp, thoát nước liên quan đến dịch vụ cấp, thoát nước, tình trạng ngập úng và thực hiện bảo đảm cấp, thoát nước an toàn;

b) Lưu trữ thông tin, cơ sở dữ liệu về cấp, thoát nước thông qua điều tra cơ bản, giám sát định kỳ, công tác báo cáo, thống kê;

c) Báo cáo và chia sẻ thông tin, cơ sở dữ liệu về cấp, thoát nước với các địa phương, cơ quan, tổ chức có liên quan và cộng đồng.

2. Quản lý vận hành Cổng thông tin điện tử về cấp, thoát nước:

a) Bộ quản lý ngành tổ chức đầu tư xây dựng và quản lý vận hành Cổng thông tin điện tử về cấp, thoát nước theo lộ trình và thống nhất, đồng bộ với hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu hạ tầng kỹ thuật đô thị, nông thôn;

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đầu tư xây dựng và vận hành Cổng thông tin điện tử về cấp, thoát nước phù hợp với lộ trình xây dựng hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu hạ tầng kỹ thuật đô thị, nông thôn;

c) Chủ đầu tư hệ thống cấp, thoát nước có trách nhiệm đầu tư trang thiết bị giám sát, cập nhật tự động, trực tuyến kết nối và cập nhật hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu trên Cổng thông tin điện tử của Bộ quản lý ngành và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

## Mục 2

## CHIẾN LƯỢC, QUY HOẠCH VÀ KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN CẤP, THOÁT NƯỚC

# Chiến lược phát triển cấp, thoát nước quốc gia

1. Chiến lược phát triển cấp, thoát nước quốc gia là cơ sở để xây dựng quy hoạch, kế hoạch và bố trí nguồn lực phát triển cấp, thoát nước. Chiến lược phát triển cấp, thoát nước quốc gia thống nhất, đồng bộ với chiến lược quốc gia về phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, tài nguyên nước, thủy lợi; bảo đảm phát triển hệ thống cấp, thoát nước bền vững, chống ngập và thích ứng điều kiện biến đổi khí hậu.

2. Chiến lược phát triển cấp, thoát nước quốc gia có các nội dung chính sau:

a) Quan điểm, nguyên tắc chỉ đạo, tầm nhìn, mục tiêu về cấp, thoát nước;

b) Định hướng, nhiệm vụ và giải pháp tổng thể về đầu tư, tổ chức quản lý công trình cấp, thoát nước; kiểm soát rủi ro, bảo đảm an ninh, an toàn cấp, thoát nước; đề án, dự án ưu tiên thực hiện trong từng giai đoạn trong kỳ chiến lược.

3. Chiến lược phát triển cấp, thoát nước quốc gia được xây dựng cho giai đoạn 10 năm, tầm nhìn 30 năm.

4. Bộ quản lý ngành chủ trì phối hợp với các Bộ, ngành xây dựng Chiến lược phát triển cấp nước quốc gia và Chiến lược phát triển thoát nước quốc gia trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

# Nội dung quy hoạch cấp, thoát nước trong quy hoạch vùng

1. Nội dung quy hoạch cấp nước trong quy hoạch vùng:

a) Đánh giá hiện trạng hệ thống cấp nước, nguồn nước mặt, nước dưới đất và khả năng khai thác cho cấp nước;

b) Quan điểm, mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể phát triển cấp nước vùng;

c) Phương án phát triển hệ thống cấp nước theo quy hoạch cấp quốc gia; định hướng phát triển hệ thống cấp nước cấp vùng, cấp tỉnh, giải pháp sử dụng nguồn nước; xác định công trình cấp nước, vùng cấp nước, công trình cấp nước quy mô vùng liên tỉnh, nhà máy nước, mạng lưới cấp nước truyền tải quy mô cấp tỉnh; công trình cấp nước sinh hoạt đặc biệt quan trọng.

2. Nội dung quy hoạch thoát nước trong quy hoạch vùng:

a) Đánh giá hiện trạng hệ thống thoát nước, lưu vực thoát nước mưa, lưu vực thoát nước thải;

b) Quan điểm, mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể phát triển thoát nước vùng;

c) Phương án phát triển hệ thống thoát nước theo quy hoạch cấp quốc gia; xác định các lưu vực thoát nước gắn với lưu vực sông và tưới, tiêu nước thủy lợi; mối liên kết giữa các lưu vực thoát nước đối với khu vực đô thị phát triển liên vùng; giải pháp thoát nước chống ngập các đô thị; giải pháp thoát nước đô thị, nông thôn, khu chức năng theo các lưu vực thoát nước và kết nối với tưới, tiêu nước thủy lợi, trạm bơm thoát nước đầu mối vùng; phân lưu vực thoát nước thải theo các công trình xử lý nước thải quy mô lớn, nguồn tiếp nhận.

# Nội dung quy hoạch cấp, thoát nước trong quy hoạch tỉnh

1. Nội dung quy hoạch cấp nước trong quy hoạch tỉnh:

a) Đánh giá hiện trạng hệ thống cấp nước trên địa bàn toàn tỉnh; trữ lượng, chất lượng các nguồn nước mặt, nước dưới đất và khả năng khai thác cho cấp nước;

b) Xác định các quan điểm, mục tiêu, chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật phát triển hệ thống cấp nước trên địa bàn tỉnh;

c) Lựa chọn nguồn nước cho các nhà máy nước; phân vùng cấp nước theo các nhà máy nước quy mô cấp tỉnh, cấp huyện; nhu cầu sử dụng đất cho các công trình cấp nước;

d) Phương án phát triển hệ thống cấp nước theo quy hoạch vùng; định hướng phát triển hệ thống cấp nước cấp tỉnh, cấp huyện, kết nối cấp nước đô thị và nông thôn; xác định cụ thể quy mô công suất các nhà máy nước, mạng lưới cấp nước truyền tải cấp tỉnh, cấp huyện; công trình cấp nước sinh hoạt đặc biệt quan trọng; định hướng kết nối mạng lưới cấp nước các vùng cấp nước, vùng phục vụ cấp nước không phân biệt địa giới hành chính; nhu cầu sử dụng đất của các công trình cấp nước; cân đối nguồn nước theo phương án cấp nước cho từng giai đoạn;

đ) Các quy định bảo vệ hệ thống cấp nước và bảo đảm an ninh, an toàn cấp nước.

2. Nội dung quy hoạch thoát nước trong quy hoạch tỉnh:

a) Đánh giá hiện trạng cao độ nền tự nhiên, hiện trạng hệ thống thoát nước, công suất nhà máy xử lý nước thải; hệ thống tưới, tiêu nước thủy lợi gắn với thoát nước chống ngập;

b) Xác định quan điểm, mục tiêu, chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật phát triển hệ thống thoát nước trên địa bàn tỉnh;

c) Xác định lưu lượng nước mưa, tần suất ngập lụt cho phép; cao độ nền thoát nước; xác định lưu vực, tiểu lưu vực thoát nước mưa; xác định lưu vực, tiểu lưu vực thoát nước thải, nguồn tiếp nhận, dự báo tổng lượng nước thải và tải lượng ô nhiễm; dự báo tác động của biến đổi khí hậu và nước biển dâng liên quan đến thoát nước và xử lý nước thải; xác định loại hình thoát nước, hệ thống thoát nước chung, hệ thống thoát nước riêng; nhu cầu sử dụng đất của các công trình thoát nước;

d) Phương án phát triển hệ thống thoát nước theo quy hoạch vùng; định hướng phát triển hệ thống thoát nước cấp tỉnh, cấp huyện; giải pháp thoát nước mưa, hạ tầng thoát nước chính, trạm bơm nước chống ngập gắn với tưới, tiêu nước thủy lợi; xác định cụ thể quy mô công suất các nhà máy xử lý nước thải tập trung và phân tán; định hướng kết nối các lưu vực thoát nước thải, các nhà máy xử lý nước thải tập trung và phân tán.

3. Nội dung quy hoạch cấp, thoát nước trong quy hoạch tỉnh quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này được thực hiện đối với các tỉnh không bao gồm các thành phố trực thuộc Trung ương.

4. Quy hoạch cấp, thoát nước trong quy hoạch tỉnh được điều chỉnh theo trình tự, thủ tục rút gọn trong các trường hợp sau:

a) Triển khai các dự án cấp, thoát nước quy mô vùng liên tỉnh, vùng tỉnh làm thay đổi: quy mô, công suất nhà máy nước sạch, nước thải; vùng cấp nước, lưu vực thoát nước thải; giải pháp thoát nước chống ngập gắn với tưới, tiêu nước thủy lợi;

b) Bổ sung, điều chỉnh các dự án, công trình cấp, thoát nước thích ứng, giảm thiểu, khắc phục tác động biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh, ô nhiễm môi trường;

c) Quy trình điều chỉnh quy hoạch tỉnh theo trình tự, thủ tục rút gọn được thực hiện theo pháp luật về quy hoạch.

# Phân vùng cấp nước, lưu vực thoát nước

1. Vùng cấp nước được xác định trong quy hoạch cấp nước có phạm vi nghiên cứu lập quy hoạch cấp vùng, cấp tỉnh, cấp huyện hoặc tương đương; yêu cầu phân vùng cấp nước:

a) Phân vùng cấp nước dựa theo khả năng khai thác nguồn nước thô, tác động biến đổi khí hậu, hiệu quả truyền dẫn nước thô, nước sạch, điều kiện kinh tế - xã hội của vùng và giai đoạn lập quy hoạch cấp nước;

b) Phân vùng cấp nước phải hướng tới bảo đảm an ninh, an toàn; kết nối, truyền dẫn nước sạch không phụ thuộc địa giới hành chính; mọi người dân được tiếp cận nguồn nước sạch có chất lượng dịch vụ tốt, chất lượng nước sạch đạt quy chuẩn quy định;

c) Việc điều chỉnh vùng cấp nước phải đảm quyền lợi hợp pháp của chủ đầu tư, đơn vị cấp nước đang đầu tư, vận hành các nhà máy nước sạch.

2. Lưu vực thoát nước mưa được xác định trong nội dung quy hoạch thoát nước có phạm vi nghiên cứu cấp vùng, cấp tỉnh, cấp huyện hoặc tương đương; yêu cầu phân lưu vực thoát nước mưa:

a) Phân lưu vực thoát nước mưa dựa theo điều kiện địa hình tự nhiên, thủy văn, hải văn được kết nối với tưới, tiêu nước thủy lợi và lưu vực sông;

b) Xác định cụ thể hệ thống thoát nước chính, giải pháp thoát nước chống ngập đồng bộ, hiệu quả trên toàn lưu vực;

c) Làm cơ cơ sở xác định dự án đầu tư hệ thống thoát nước kết nối với hệ thống tưới, tiêu nước thủy lợi và lưu vực sông;

d) Xác định cụ thể ranh giới hệ thống thoát nước đô thị, nông thôn với hệ thống tưới, tiêu nước thủy lợi và hệ thống sông.

3. Lưu vực thoát nước thải được xác định trong nội dung quy hoạch thoát nước có phạm vi nghiên cứu cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã hoặc tương đương; yêu cầu phân lưu vực thoát nước thải:

a) Phân lưu vực thoát nước thải dựa theo phân bố dân cư, điều kiện địa hình, hiệu quả truyền dẫn nước thải và giai đoạn lập quy hoạch thoát nước;

b) Phải tính đến khả năng kết nối mạng lưới thoát nước thải và vận chuyển, xử lý bùn thải của hệ thống xử lý nước thải tập trung và phân tán;

c) Làm cơ sở xác định dự án đầu tư phát triển mạng lưới thoát nước và nhà máy xử lý nước thải đồng bộ trên toàn lưu vực thoát nước thải.

# Kế hoạch phát triển cấp, thoát nước tỉnh

1. Kế hoạch phát triển cấp, thoát nước tỉnh được lập chung trên phạm vi toàn tỉnh và cùng thời kỳ với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

2. Kế hoạch phát triển cấp, thoát nước tỉnh được lập nhằm cụ thể hóa chiến lược phát triển cấp, thoát nước, các nội dung quy hoạch cấp, thoát nước trong quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh hoặc quy hoạch chuyên ngành cấp nước, thoát nước của các thành phố trực thuộc Trung ương.

3. Nội dung kế hoạch phát triển cấp, thoát nước tỉnh xác định cụ thể chỉ tiêu cấp, thoát nước; nhu cầu, hoạt động đầu tư cấp nước, xử lý nước thải, thoát nước chống ngập; nguồn lực thực hiện; các dự án, hoạt động ưu tiên đầu tư; trách nhiệm và tổ chức thực hiện.

4. Kế hoạch phát triển cấp, thoát nước tỉnh được điều chỉnh trong trường hợp có sự điều chỉnh chiến lược phát triển cấp, thoát nước, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh hoặc trong trường hợp để đáp ứng với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương nhưng vẫn đảm bảo phù hợp với chiến lược, quy hoạch đã được phê duyệt.

5. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt và điều chỉnh phê duyệt kế hoạch phát triển cấp, thoát nước tỉnh.

6. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

## Chương III

## ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG CẤP, THOÁT NƯỚC

## Mục 1

## ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG CẤP NƯỚC

# Quản lý đầu tư, phát triển hệ thống cấp nước

1. Đối với dự án, công trình cấp nước được đầu tư bằng nguồn vốn nhà nước:

a) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là chủ sở hữu hoặc ủy quyền, phân cấp Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc giao cơ quan chuyên môn trực thuộc là đại diện chủ sở hữu;

b) Chủ sở hữu hoặc đại diện chủ sở hữu dự án, công trình cấp nước có trách nhiệm tổ chức đầu tư, quản lý, khai thác, vận hành công trình cấp nước;

c) Chủ đầu tư dự án, công trình cấp nước được xác định theo pháp luật về xây dựng, đấu thầu.

2. Đối với dự án, công trình cấp nước được đầu tư bằng nguồn khác:

a) Đơn vị cấp nước được thành lập theo quy định pháp luật hiện hành, thực hiện chức năng là chủ sở hữu, chủ đầu tư dự án, công trình cấp nước;

b) Đơn vị cấp nước được lựa chọn làm nhà đầu tư, chủ đầu tư quản lý vận hành một số hoặc đồng bộ tất cả các hạng mục của hệ thống cấp nước để cung cấp dịch vụ cấp nước.

3. Đối với dự án đầu tư công trình nhà máy nước xây dựng mới hoặc vùng cấp nước gắn với nhà máy nước xây dựng mới đã được xác định trong nội dung quy hoạch cấp nước được công bố, kêu gọi đầu tư, phải tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đấu thầu và đất đai. Trong trường hợp đất sử dụng để đầu tư xây dựng nhà máy nước mới thuộc quyền sử dụng đất của nhà đầu tư, chủ đầu tư, không thuộc trường hợp nhà nước thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng theo quy định của Luật Đất đai, cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét, chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư, chủ đầu tư.

4. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét, chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư, chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng công trình cấp nước khi chủ đầu tư, đơn vị cấp nước bảo đảm điều kiện năng lực, có đề xuất dự án hợp lý; đất sử dụng cho công trình cấp nước nằm trong quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Phát triển, mở rộng vùng phục vụ cấp nước ra khu vực lân cận nằm trong vùng cấp nước được xác định trong quy hoạch cấp nước;

b) Dự án đầu tư nhà máy nước được phân kỳ làm nhiều giai đoạn đầu tư hoặc được mở rộng, nâng công suất theo từng thời kỳ quy hoạch mà chủ đầu tư, đơn vị cấp nước đã thực hiện đầu tư xây dựng giai đoạn trước;

c) Dự án đầu tư nhà máy nước được xây dựng mới để cấp nước bổ sung cho vùng cấp nước do chủ đầu tư, đơn vị cấp nước đang vận hành nhà máy nước hiện hữu;

d) Dự án đầu tư nhà máy nước và vùng cấp nước thuộc khu vực dân cư phân tán, vùng chịu tác động của biến đổi khí hậu có hiệu quả đầu tư thấp có khả năng điều hòa giá nước sạch do một chủ đầu tư hoặc đơn vị cấp nước từ vùng cấp nước, vùng phục vụ cấp nước khác có quy mô, công suất lớn nằm cùng trên địa bàn một tỉnh.

# Quản lý cấp nước theo vùng

1. Yêu cầu xác định vùng phục vụ cấp nước

a) Vùng phục vụ cấp nước được xác định phù hợp với nhu cầu cấp nước, năng lực quản lý, tài chính của chủ đầu tư, đơn vị cấp nước và các yếu tố về kinh tế - kỹ thuật khác;

b) Một chủ đầu tư hoặc đơn vị cấp nước được lựa chọn thực hiện dịch vụ cấp nước trong một hoặc nhiều vùng phục vụ cấp nước khác nhau; mỗi vùng phục vụ cấp nước chỉ do một chủ đầu tư, đơn vị cấp nước thực hiện dịch vụ cấp nước;

c) Chủ đầu tư, đơn vị cấp nước có nghĩa vụ bảo đảm việc đấu nối các khách hàng sử dụng nước vào mạng lưới cấp nước trong vùng phục vụ của mình, bảo đảm cân đối nhu cầu sử dụng nước đối với các mục đích sử dụng nước khác nhau.

2. Vùng phục vụ cấp nước được điều chỉnh khi:

a) Phát triển kinh tế - xã hội và phát triển mở rộng đô thị, nông thôn;

b) Tăng hiệu quả kinh tế, kỹ thuật khi khai thác, vận hành công trình cấp nước và được sự đồng thuận của cộng đồng, chủ đầu tư, đơn vị cấp nước có liên quan;

c) Chủ đầu tư, đơn vị cấp nước không đáp ứng yêu cầu về hợp đồng thực hiện dịch vụ cấp nước, kế hoạch phát triển cấp nước và bảo đảm an ninh, an toàn cấp nước.

3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc cơ quan được ủy quyền quyết định giao vùng phục vụ cấp nước sau khi đã lựa chọn chủ đầu tư, đơn vị cấp nước theo quy định; quyết định điều chỉnh vùng phục vụ cấp nước khi thay đổi phạm vi, ranh giới vùng phục vụ cấp nước.

4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc cơ quan được ủy quyền kiểm soát hoạt động cấp nước theo vùng phục vụ cấp nước thông qua:

a) Hợp đồng thực hiện dịch vụ cấp nước;

b) Giấy chứng nhận kinh doanh nước sinh hoạt;

c) Kế hoạch phát triển cấp nước theo vùng phục vụ cấp nước;

d) Kế hoạch cấp nước an toàn;

đ) Giá nước sạch.

5. Quản lý vùng phục vụ cấp nước gắn với vùng cấp nước:

a) Chủ đầu tư, đơn vị cấp nước công trình cấp nước tập trung có trách nhiệm đầu tư, phát triển mạng lưới truyền tải nước sạch đến các vùng phục vụ cấp nước, các khu vực tiêu thụ nước theo đúng quy hoạch, kế hoạch phát triển cấp nước trong vùng cấp nước;

b) Đối với công trình cấp nước phân tán có chất lượng nước sạch bảo đảm đúng quy định, chủ đầu tư, đơn vị cấp nước phân tán tiếp tục duy trì, vận hành và có giải pháp nâng cao chất lượng dịch vụ cấp nước;

c) Đối với công trình cấp nước phân tán có chất lượng nước sạch không bảo đảm quy định sau thời hạn thực hiện cải tạo, nâng cao chất lượng nước, chủ đầu tư, đơn vị cấp nước phân tán phải tiếp nhận nguồn nước sạch từ mạng lưới truyền tải nước sạch công trình cấp nước tập trung;

d) Đối với vùng cấp nước có nhiều vùng phục vụ cấp nước của công trình cấp nước phân tán, việc phát triển mạng lưới truyền tải nước sạch và kết nối các vùng phục vụ cấp nước phải có lộ trình và bảo đảm quyền lợi hợp pháp của chủ đầu tư các công trình cấp nước;

đ) Đối với vùng cấp nước, vùng phục vụ cấp nước hoặc khách hàng tiêu thụ nước rất lớn được cấp nước từ hai nhà máy nước trở nên, phải xác định cụ thể lượng nước cấp từng thời kỳ của mỗi nhà máy nước và được quy định trong quy hoạch, kế hoạch phát triển cấp nước trên địa bàn.

# Dự án đầu tư xây dựng công trình cấp nước

1. Nguyên tắc đầu tư xây dựng công trình cấp nước:

a) Dự án đầu tư xây dựng công trình cấp nước tập trung và phân tán phải phù hợp với phạm vi, cấp độ quy hoạch cấp nước trong quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, quy hoạch đô thị và nông thôn, quy hoạch chuyên ngành (nếu có) và kế hoạch phát triển cấp nước tỉnh được phê duyệt;

b) Dự án đầu tư công trình cấp nước tập trung và phân tán được quản lý, phát triển theo vùng cấp nước đã được xác định trong nội dung quy hoạch cấp nước hoặc theo vùng phục vụ cấp nước đã giao cho đơn vị thực hiện dịch vụ cấp nước;

c) Công trình cấp nước quy mô hộ gia đình do các hộ gia đình sử dụng nước tự đầu tư xây dựng hoặc được hỗ trợ đầu tư từ nguồn vốn nhà nước, nguồn vốn huy động hợp pháp khác.

2. Yêu cầu dự án đầu tư xây dựng công trình cấp nước:

a) Dự án đầu tư xây dựng công trình cấp nước tập trung phải ứng dụng công nghệ xử lý nước hiện đại, tiết kiệm nước, tiết kiệm năng lượng; đường ống và thiết bị nằm chìm dưới đất phải đáp ứng yêu cầu nâng công suất cấp nước, chống ăn mòn, có độ bền cao theo thời gian;

b) Dự án đầu tư công trình cấp nước phân tán được xem xét, đầu tư khi được xác định trong nội dung quy hoạch cấp nước và chưa có mạng lưới truyền tải nước sạch kết nối từ công trình cấp nước tập trung;

c) Các khu, cụm công nghiệp, khu chế xuất hạn chế đầu tư xây dựng mới công trình nhà máy nước, ưu tiên sử dụng nguồn nước sạch từ công trình cấp nước tập trung trong vùng cấp nước.

3. Dự án đầu tư xây dựng công trình cấp nước được ưu tiên đầu tư trong các trường hợp sau:

a) Dự án đầu tư công trình cấp nước quy mô vùng liên tỉnh thích ứng điều kiện biến đổi khí hậu, truyền tải nước thô hoặc nước sạch cho các nhà máy nước, vùng phục vụ cấp nước trên địa bàn các tỉnh;

b) Dự án đầu tư xây dựng mới hoặc nâng công suất nhà máy nước, phát triển mạng lưới truyền tải của công trình cấp nước tập trung;

c) Dự án đầu tư cải tạo, phát triển mạng lưới cấp nước theo vùng cấp nước, vùng phục vụ cấp nước được sử dụng từ nguồn nước sạch công trình cấp nước tập trung và phân tán.

4. Đối với dự án đầu tư xây dựng công trình cấp nước quy mô vùng liên tỉnh được xác định trong quy hoạch vùng:

a) Bộ quản lý ngành là cơ quan hướng dẫn, kiểm tra và phối hợp với Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trên địa bàn trong quá trình lập dự án đầu tư, đầu tư xây dựng và khai thác vận hành;

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có nhà máy nước hoặc trạm bơm nước nằm trên địa bàn được cơ quan có thẩm quyền giao là cơ quan chủ quản đầu tư dự án; quyết định chủ đầu tư dự án theo pháp luật về đầu tư, đầu tư công;

c) Đơn vị cấp nước là chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng công trình cấp nước quy mô vùng liên tỉnh khi sử dụng nguồn vốn khác. Đơn vị cấp nước được lựa chọn theo pháp luật về đấu thầu và đất đai;

d) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trên địa bàn chỉ đạo các đơn vị cấp nước xác định phương án, nhu cầu tiếp nhận nước theo từng nhà máy nước, vùng phục vụ cấp nước và cam kết tiêu thụ nước từ công trình cấp nước quy mô vùng liên tỉnh theo lộ trình, phân kỳ đầu tư.

5. Dự án đầu tư công trình cấp nước khẩn cấp kịp thời phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, dịch bệnh, sự cố mất nước hoặc thực hiện các nhiệm vụ cấp bách để bảo đảm quốc phòng, an ninh. Việc quản lý, đầu tư xây dựng công trình cấp nước khẩn cấp thực hiện theo quy định pháp luật xây dựng về xây dựng.

6. Dự án đầu tư công trình cấp nước thuộc tiêu chí xác định công trình cấp nước sinh hoạt đặc biệt quan trọng phải được phê duyệt danh mục trước khi phê duyệt dự án đầu tư.

# Nguồn lực đầu tư xây dựng công trình cấp nước

1. Nguồn vốn nhà nước được sử dụng đầu tư các dự án, công trình cấp nước hoặc duy trì tỷ lệ cổ phần, vốn góp của Nhà nước tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên.

2. Đối với các dự án đầu tư công trình cấp nước quy mô vùng liên tỉnh; công trình cấp nước tại khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo, vùng khó khăn về nguồn nước, ô nhiễm nguồn nước và vùng chịu tác động của biến đổi khí hậu:

a) Được đầu tư từ nguồn vốn nhà nước cho một phần hoặc toàn bộ dự án;

b) Được ưu tiên nguồn vốn từ nhà nước, vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi và các nguồn vốn ưu đãi khác;

c) Khi huy động nguồn lực tư nhân, chủ đầu tư được xem xét sử dụng các nguồn tài chính ưu đãi, hỗ trợ lãi suất sau đầu tư; được xem xét, hỗ trợ đầu tư từ nguồn vốn nhà nước cho hỗ trợ chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng, đầu tư các công trình hạ tầng ngoài hàng rào.

3. Nguồn lực đầu tư công trình cấp nước được hỗ trợ từ nguồn vốn nhà nước được miễn, giảm chi phí thu hồi vốn đầu tư trong phương án giá nước sạch, phù hợp với cơ chế, chính sách của nhà nước theo từng thời kỳ.

4. Nhà nước ưu tiên nguồn vốn nhà nước cho dự án đầu tư công trình cấp nước thô hoặc tạo nguồn nước thô khi triển khai các dự án đầu tư công trình thủy lợi đối với khu vực khó khăn về nguồn nước, chịu tác động biến đổi khí hậu và ô nhiễm nguồn nước.

5. Thu hút nguồn lực của các thành phần kinh tế hoặc nguồn vốn nhà nước, chính sách tín dụng đầu tư của Nhà nước, chương trình tín dụng nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, hỗ trợ đầu tư xây dựng công trình cấp nước quy mô hộ gia đình cho dân cư thu nhập thấp hoặc khu vực chưa có hệ thống cấp nước.

6. Đối với công trình cấp nước tập trung và phân tán đã được đầu tư từ nguồn vốn nhà nước, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm:

a) Sử dụng nguồn vốn nhà nước hoặc huy động nguồn vốn hợp pháp khác thực hiện cải tạo, nâng cấp, mở rộng, nâng cao chất lượng dịch vụ cấp nước đối với công trình cấp nước hoạt động có hiệu quả;

b) Sử dụng nguồn vốn nhà nước hoặc huy động nguồn vốn hợp pháp khác thực hiện cải tạo, bảo trì đối với công trình cấp nước hoạt động ít hiệu quả hoặc không hiệu quả cho đến khi có nguồn nước khác thay thế;

c) Thanh lý tài sản đối với công trình cấp nước bị hư hỏng hoặc hoạt động không hiệu quả theo pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công; có kế hoạch, giải pháp đầu tư cấp nước đáp ứng nhu cầu sử dụng nước trong khu vực.

7. Khuyến khích, tạo điều kiện cho tư nhân tham gia đầu tư, quản lý vận hành công trình cấp nước theo mô hình hợp tác công tư.

8. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

## Mục 2

## ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC

# Quản lý đầu tư, phát triển hệ thống thoát nước

1. Dự án đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước bao gồm các loại hình sau:

a) Dự án thoát nước chống ngập đô thị, nông thôn bị ngập úng trên diện rộng hoặc đầu tư hạ tầng thoát nước chính; nội dung dự án thoát nước chống ngập liên quan đến giải pháp đầu tư công trình lưu trữ, điều hòa nước, mạng lưới thoát nước chính, trạm bơm tiêu và kết nối với hệ thống tưới, tiêu nước thủy lợi ngoài khu vực đô thị, nông thôn;

b) Dự án xử lý nước thải tập trung khu vực trung tâm đô thị hoặc toàn bộ đô thị, khu chức năng; nội dung dự án liên quan đến các giải pháp đầu tư mạng lưới thoát nước, trạm bơm nước thải và nhà máy xử lý nước thải, bùn thải;

c) Dự án xử lý nước thải phân tán cho cụm công nghiệp, cơ sở sản xuất, làng nghề, cơ sở y tế, khu dân cư đô thị, nông thôn hoặc các khu vực bị địa hình chia cắt không kết nối hệ thống xử lý nước thải tập trung; nội dung dự án liên quan đến các giải pháp đầu tư mạng lưới thoát nước, trạm bơm nước thải và nhà máy xử lý nước thải, bùn thải;

d) Dự án phát triển mạng lưới thoát nước đối với khu vực đô thị và nông thôn; nội dung dự án liên quan đến các giải pháp đầu tư một phần hoặc toàn bộ mạng lưới thoát nước mưa, nước thải, chống ngập cục bộ.

2. Chủ sở hữu, chủ đầu tư công trình thoát nước:

a) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là chủ sở hữu, phân cấp Ủy ban nhân dân cấp huyện là chủ sở hữu công trình thoát nước hoặc ủy quyền cho cơ quan chuyên môn trực thuộc là đại diện chủ sở hữu công trình thoát nước;

b) Các tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu công trình thoát nước do mình bỏ vốn đầu tư cho đến khi bàn giao theo quy định;

c) Đại diện chủ sở hữu công trình thoát nước có trách nhiệm nhận bàn giao tài sản công trình thoát nước theo quy định pháp luật về quản lý tài sản công; tổ chức quản lý, khai thác vận hành công trình thoát nước;

d) Chủ sở hữu công trình thoát nước phân cấp, ủy quyền cho cơ quan, tổ chức có chức năng hoặc đơn vị thoát nước làm chủ đầu tư dự án theo thẩm quyền;

đ) Việc lựa chọn chủ đầu tư, nhà đầu tư của dự án đầu tư xây dựng công trình thoát nước thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư, đầu tư theo phương thức đối tác công tư, đấu thầu và xây dựng.

3. Đầu tư phát triển thoát nước gắn với quản lý lưu vực thoát nước mưa và lưu vực thoát nước thải từ công tác lập quy hoạch và kế hoạch.

4. Dự án khu đô thị mới, khu chức năng phải có công trình điều hòa nước mưa bảo đảm thoát nước mưa chống ngập trong phạm vi của dự án.

5. Đối với tình trạng ngập úng cục bộ tại đô thị, khu dân cư hiện hữu, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Ủy ban nhân dân theo phân cấp tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch chi tiết, dự án chống ngập cục bộ và tổ chức triển khai thực hiện theo quy định pháp luật xây dựng về xây dựng công trình khẩn cấp.

# Dự án đầu tư xây dựng công trình thoát nước

1. Nguyên tắc đầu tư xây dựng công trình thoát nước:

a) Dự án đầu tư xây dựng công trình thoát nước phải phù hợp với phạm vi, cấp độ quy hoạch thoát nước trong quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, quy hoạch chuyên ngành (nếu có) và kế hoạch phát triển thoát nước tỉnh được phê duyệt;

b) Dự án đầu tư công trình thoát nước được quản lý, phát triển theo lưu vực thoát nước mưa, lưu vực thoát nước thải đã được xác định trong nội dung quy hoạch thoát nước; được tổ chức triển khai theo quy định pháp luật về quy hoạch, đầu tư và xây dựng;

c) Phải bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất với kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, đường thủy và công trình hạ tầng kỹ thuật khác có liên quan.

2. Dự án đầu tư xây dựng công trình thoát nước phải đáp ứng yêu cầu sau:

a) Bảo đảm tính đồng bộ từ thoát nước trong nhà, đấu nối, mạng lưới thoát nước và nhà máy xử lý nước thải theo lưu vực thoát nước thải; kết hợp hài hòa giải pháp công trình và phi công trình;

b) Tách riêng mạng lưới thoát nước mưa và mạng lưới thoát nước thải đối với khu đô thị mới, khu dân cư tập trung mới, khu chức năng; có kế hoạch, lộ trình thay thế mạng lưới thoát nước chung thành mạng lưới thoát nước riêng tại các đô thị, khu dân cư nông thôn;

c) Đầu tư hệ thống thoát nước chống ngập đô thị, nông thôn phải thích ứng với biến đổi khí hậu; điều hòa nước mưa, kiểm soát triều cường và kết nối hệ thống tưới, tiêu nước thủy lợi (nếu có); khả năng phát triển, mở rộng, nâng cấp, cải tạo đô thị và nông thôn theo từng giai đoạn quy hoạch;

d) Giải pháp, phương án đầu tư, công việc cụ thể liên quan đến hoạt động thoát nước, nâng cao độ bao phủ dịch vụ và cải thiện chất lượng dịch vụ thoát nước;

đ) Dự án đầu tư công trình thoát nước và xử lý nước thải tập trung phải giải quyết một cách cơ bản các vấn đề thoát nước và xử lý nước thải của lưu vực thoát nước thải; phải tính đến khả năng kết nối các công trình xử lý nước thải phân tán;

e) Tính hiệu quả và khả thi giữa phương án kỹ thuật, công nghệ, quy mô công suất với tổng mức đầu tư, chi phí quản lý, vận hành;

g) Thông báo, thông tin về nội dung, tiến độ dự án, chất lượng dịch vụ thoát nước cho người dân trên địa bàn; phối hợp trong công tác đấu nối mạng lưới thoát nước trong nhà với hộp đấu nối thoát nước đường phố.

3. Các dự án đầu tư xây dựng công trình thoát nước được ưu tiên triển khai:

a) Dự án thoát nước chống ngập các đô thị, khu dân cư nông thôn khi bị ngập úng trên diện rộng, mức độ ảnh hưởng lớn;

b) Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng khung thoát nước mưa kết nối với hệ thống tưới, tiêu nước thủy lợi cho các đô thị có quy mô lớn;

c) Dự án đầu tư xây dựng công trình thoát nước, xử lý nước thải cho đô thị, khu dân cư nông thôn có quy mô lớn, mật độ dân số cao đang bị ô nhiễm hoặc nguy cơ ô nhiễm môi trường do xả nước thải.

# Nguồn lực đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước

1. Nhà nước có trách nhiệm đầu tư phát triển hệ thống thoát nước cho đô thị, nông thôn; nguồn lực đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước từ nguồn vốn nhà nước tuân thủ theo pháp luật về đầu tư công.

2. Bố trí nguồn vốn nhà nước, các nguồn thu của ngân sách nhà nước cho đầu tư phát triển thoát nước phù hợp với giai đoạn phát triển kinh tế - xã hội và yêu cầu bảo vệ môi trường, phòng chống ngập úng đô thị, nông thôn.

3. Huy động tối đa các nguồn lực và có cơ chế khuyến khích tư nhân đầu tư phát triển hệ thống thoát nước; ưu tiên nguồn lực từ nguồn vốn nhà nước, vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi và nguồn vốn khác để đầu tư phát triển hệ thống thoát nước cho đô thị và nông thôn bị ngập úng do tác động của biến đổi khí hậu và ô nhiễm môi trường do xả nước thải.

4. Cơ chế phân bổ, sử dụng nguồn vốn nhà nước từ Trung ương, địa phương kết hợp nguồn vốn khác cho các dự án đầu tư phát triển hệ thống thoát nước phù hợp với giai đoạn phát triển kinh tế - xã hội.

5. Nguồn thu từ giá dịch vụ thoát nước thuộc nguồn thu của ngân sách nhà nước được sử dụng trong hoạt động đầu tư xây dựng và vận hành, bảo trì hệ thống thoát nước.

6. Huy động nguồn lực tư nhân và khuyến khích triển khai đầu tư xây dựng, vận hành hệ thống thoát nước theo mô hình hợp tác công tư.

7. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

## Chương IV

## QUẢN LÝ, VẬN HÀNH VÀ KHAI THÁC HỆ THỐNG CẤP, THOÁT NƯỚC

## Mục 1

## QUẢN LÝ, VẬN HÀNH VÀ KHAI THÁC HỆ THỐNG CẤP NƯỚC

# Nguyên tắc quản lý, vận hành và khai thác hệ thống cấp nước

1. Quản lý, vận hành và khai thác công trình cấp nước phải tương thích hệ thống quản lý chất lượng quốc gia; tuân thủ quy trình vận hành công trình cấp nước được phê duyệt và thống nhất, đồng bộ với kế hoạch cấp nước an toàn.

2. Quản lý vận hành và khai thác công trình cấp nước gắn với thực hiện giảm thất thoát, thất thu nước sạch, bảo đảm chất lượng nước sạch, chất lượng dịch vụ cấp nước và bảo đảm an ninh, an toàn cấp nước.

3. Đơn vị cấp nước được thực hiện quản lý vận hành một hoặc một số hệ thống cấp nước tại một hoặc nhiều địa bàn khác nhau; phải bố trí đội ngũ cán bộ, nhân viên và trang thiết bị đáp ứng yêu cầu quản lý vận hành.

4. Đơn vị cấp nước được vận hành, khai thác công trình cấp nước trong tình thế cấp thiết như sau:

a) Khai thác vượt công suất thiết kế hoặc giấy phép khai thác tài nguyên nước bảo đảm an ninh, an toàn cấp nước trong điều kiện biến đổi khí hậu, thiên tai, ô nhiễm nguồn nước; điều tiết nguồn nước giữa các nhà máy nước hoặc biến động tăng nhu cầu sử dụng nước sạch; có trách nhiệm báo cáo Ủy ban nhân dân theo phân cấp hoặc cơ quan quản lý tài nguyên nước;

b) Thay đổi chất lượng nguồn nước thô do biến đổi khí hậu, xâm nhập mặn, ô nhiễm nhưng công nghệ xử lý nước hiện có không khắc phục được; việc duy trì dịch vụ cấp nước phải được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cho phép và phải thông báo chất lượng nước, mục đích sử dụng nước tới các khách hàng sử dụng nước.

# Yêu cầu quản lý, vận hành và khai thác hệ thống cấp nước

1. Các tổ chức thực hiện quản lý vận hành và khai thác công trình cấp nước tập trung và phân tán phải có pháp nhân rõ ràng và đáp ứng yêu cầu về năng lực quản lý vận hành.

2. Chủ đầu tư công trình cấp nước tập trung và phân tán thành lập đơn vị cấp nước hoặc thuê tổ chức thực hiện quản lý vận hành công trình cấp nước.

3. Chủ đầu tư, đơn vị cấp nước tổ chức lập và phê duyệt quy trình vận hành, bảo trì công trình cấp nước trước khi đưa công trình vào khai thác sử dụng.

4. Chủ đầu tư của công trình cấp nước là mạng lưới cấp nước khu đô thị mới, khu chung cư, khu dân cư tập trung được quyền bố trí nhân sự và trang thiết bị đáp ứng quy trình vận hành, bảo trì công trình cấp nước; chịu trách nhiệm trước pháp luật về chất lượng dịch vụ cấp nước.

5. Đơn vị cấp nước được thuê quản lý vận hành công trình cấp nước phải có hợp đồng quản lý vận hành, phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về chất lượng dịch vụ cấp nước và tài sản công trình cấp nước được quy định trong hợp đồng.

6. Năng lực quản lý vận hành của đơn vị cấp nước được đánh giá theo các tiêu chí quy định trong điều kiện kinh doanh nước sinh hoạt, bao gồm: pháp nhân của doanh nghiệp; tổ chức bộ máy quản lý vận hành; yêu cầu tối thiểu về năng lực chuyên ngành của lãnh đạo và nhân sự phụ trách bộ phận chuyên môn.

7. Đơn vị cấp nước được thuê quản lý vận hành công trình cấp nước phải có giấy chứng nhận kinh doanh nước sinh hoạt với cấp công trình từ tương đương trở lên.

# Kế hoạch phát triển cấp nước theo vùng phục vụ

1. Đối với vùng phục vụ cấp nước chưa phủ kín dịch vụ cấp nước phải lập kế hoạch phát triển cấp nước 05 năm và năm thứ nhất; đối với vùng phục vụ cấp nước đã cơ bản phủ kín dịch vụ cấp nước, nội dung kế hoạch phát triển cấp nước được lồng ghép trong kế hoạch cấp nước an toàn.

2. Kế hoạch phát triển cấp nước phải đáp ứng yêu cầu của chiến lược quốc gia, quy hoạch, kế hoạch phát triển cấp nước và điều kiện phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn.

3. Nội dung kế hoạch phát triển cấp nước phải được phê duyệt sau khi được chấp thuận giao vùng phục vụ cấp nước; bao gồm các giải pháp, phương án đầu tư, công việc cụ thể nhằm từng bước nâng cao độ bao phủ dịch vụ, cải thiện điều kiện chất lượng dịch vụ trong vùng phục vụ cấp nước.

4. Đơn vị cấp nước có trách nhiệm lập, phê duyệt và tổ chức thực hiện kế hoạch phát triển cấp nước 05 năm và năm thứ nhất theo vùng phục vụ cấp nước sau khi được Ủy ban nhân dân theo phân cấp tổ chức thẩm định.

5. Bộ quản lý ngành hướng dẫn lập, phê duyệt và tổ chức thực hiện kế hoạch phát triển cấp nước theo vùng phục vụ.

# Quản lý, vận hành và khai thác công trình cấp nước quy mô vùng liên tỉnh

1. Cơ quan chủ quản đầu tư công trình cấp nước quy mô vùng liên tỉnh phối hợp với Bộ quản lý ngành, chủ đầu tư và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trên địa bàn, quyết định phương án giá nước bán buôn và khối lượng nước sạch phân bổ giữa các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo từng thời kỳ.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trên địa bàn có trách nhiệm chỉ đạo đơn vị mua buôn nước thô, nước sạch, ký kết hợp đồng mua buôn nước với chủ đầu tư công trình cấp nước quy mô vùng liên tỉnh; chỉ đạo đầu tư, phát triển mạng lưới cấp nước trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đảm bảo việc tiếp nhận và tiêu thụ nguồn nước sạch, nước thô từ công trình cấp nước quy mô vùng liên tỉnh.

3. Cơ quan chủ quản đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ quản lý ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trên địa bàn, tổ chức thẩm định kế hoạch cấp nước an toàn do chủ đầu tư lập.

4. Chủ đầu tư công trình cấp nước quy mô vùng liên tỉnh tổ chức thuê, giao hoặc thành lập đơn vị cấp nước thực hiện quản lý vận hành công trình cấp nước.

# Quản lý sử dụng tài sản công trình cấp nước

1. Tài sản công trình cấp nước được thống kê, kế toán đầy đủ về hiện vật và giá trị; được thực hiện chế độ hao mòn, khấu hao tài sản trong phương án giá nước sạch.

2. Chủ đầu tư, đơn vị cấp nước có trách nhiệm quản lý, khai thác, bảo trì tài sản công trình cấp nước trong quá trình khai thác, vận hành công trình cấp nước.

3. Chủ đầu tư, đơn vị cấp nước từng bước ứng dụng công nghệ thông tin, hệ thống thông tin địa lý (GIS) trong quản lý sử dụng tài sản công trình cấp nước.

4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định giao cơ quan chuyên môn về nước sạch hoặc đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp có chức năng cấp nước sạch quản lý tài sản công trình cấp nước là tài sản công.

5. Đơn vị quản lý tài sản công có trách nhiệm tham mưu, phối hợp với Ủy ban nhân dân theo phân cấp:

a) Tiếp nhận, bàn giao tài sản, thanh lý tài sản, bán tài sản hệ thống cấp nước;

b) Lựa chọn đơn vị quản lý vận hành;

c) Kiểm soát tài sản gắn với quy trình khai thác, vận hành công trình cấp nước;

d) Trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

6. Tài sản công trình cấp nước được đầu tư từ nguồn vốn nhà nước được tính khấu hao hoặc miễn giảm trong phương án giá nước sạch, phù hợp với cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ của nhà nước về nước sạch theo từng thời kỳ.

7. Việc quản lý tài sản công trình cấp nước là tài sản công được thực hiện theo quy định của Luật này và Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

# Bảo đảm an ninh, an toàn cấp nước

1. Thực hiện bảo đảm an ninh, an toàn cấp nước nhằm cung cấp nước sạch ổn định, duy trì đủ áp lực, liên tục, đủ lượng nước, đảm bảo chất lượng nước theo quy chuẩn quy định. Kế hoạch cấp nước an toàn là các nội dung cụ thể để triển khai thực hiện việc bảo đảm an ninh, an toàn cấp nước.

2. Kế hoạch cấp nước an toàn được lập, phê duyệt sau 12 tháng kể từ khi công trình cấp nước được khai thác vận hành. Kế hoạch cấp nước an toàn được cập nhật, điều chỉnh, bổ sung tối đa không quá 03 năm. Nội dung kế hoạch cấp nước an toàn bao gồm:

a) Đánh giá hiện trạng hoạt động của hệ thống cấp nước;

b) Xác định, phân tích và đánh giá mức độ các nguy cơ, rủi ro đối với hệ thống cấp nước;

c) Xác định các biện pháp kiểm soát, phòng ngừa, khắc phục rủi ro và lập kế hoạch triển khai áp dụng;

d) Lập kế hoạch kiểm tra, đánh giá việc thực hiện các biện pháp kiểm soát, phòng ngừa và khắc phục các nguy cơ, rủi ro;

đ) Lập kế hoạch, quy trình ứng phó với biến đổi xảy ra trong điều kiện vận hành có sự cố, mất kiểm soát và tình huống khẩn cấp;

e) Xây dựng các tiêu chí, các chỉ số giám sát và giới hạn kiểm soát để đánh giá việc triển khai thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn;

g) Quản lý cơ sở dữ liệu có liên quan về cấp nước an toàn;

h) Lập các chương trình hỗ trợ và kế hoạch triển khai.

3. Trách nhiệm thực hiện bảo đảm an ninh, an toàn cấp nước:

a) Bộ quản lý ngành có ý kiến thẩm tra kế hoạch cấp nước an toàn công trình cấp nước quy mô vùng liên tỉnh và công trình cấp nước sinh hoạt đặc biệt quan trọng;

b) Bộ Công an xây dựng giải pháp bảo vệ, kiểm soát, phòng ngừa, giảm thiểu các nguy cơ, tiềm ẩn rủi ro, bảo đảm an ninh cấp nước đối với công trình cấp nước sinh hoạt đặc biệt quan trọng; chỉ đạo Công an địa phương phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan kiểm tra, xử lý các vi phạm trong hoạt động bảo đảm an ninh, an toàn cấp nước;

c) Cơ quan chuyên môn về cấp nước của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức thẩm định kế hoạch cấp nước an toàn; lấy ý kiến thẩm tra của Bộ quản lý ngành khi thẩm định kế hoạch cấp nước an toàn công trình cấp nước quy mô vùng liên tỉnh và công trình cấp nước sinh hoạt đặc biệt quan trọng; tổ chức theo dõi, kiểm tra kết quả thực hiện bảo đảm an ninh, an toàn cấp nước;

d) Chủ đầu tư, đơn vị cấp nước có trách nhiệm lập, phê duyệt và tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn sau khi được cơ quan có thẩm quyền thẩm định; tổ chức lực lượng bảo vệ công trình cấp nước và phối hợp với cơ quan có thẩm quyền quản lý hành lang bảo vệ công trình cấp nước.

4. Bảo đảm an ninh, an toàn cấp nước đối với công trình cấp nước sinh hoạt đặc biệt quan trọng:

a) Công trình cấp nước sinh hoạt đặc biệt quan trọng được xác định dựa theo một trong các tiêu chí: quy mô, công suất từ 100.000 m3/ngày đêm trở lên; phạm vi cấp nước bao gồm khu vực trung tâm hành chính, chính trị cấp tỉnh, Trung ương; công trình cấp nước do Bộ Quốc phòng, Bộ Công an đề xuất để bảo đảm quốc phòng, an ninh;

b) Bộ quản lý ngành lập danh mục công trình cấp nước sinh hoạt đặc biệt quan trọng trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan công an địa phương tổ chức kiểm tra, giám sát việc bảo đảm an ninh, an toàn cấp nước;

c) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh rà soát quy hoạch, kế hoạch phát triển cấp nước theo điểm a khoản này, đề xuất, cập nhật danh mục công trình cấp nước sinh hoạt đặc biệt quan trọng gửi Bộ quản lý ngành tổng hợp; chủ trì tổ chức kiểm tra, giám sát việc bảo đảm an ninh, an toàn cấp nước;

d) Bộ Công an, Bộ Quốc phòng đề xuất bổ sung hoặc đưa công trình ra khỏi danh mục công trình cấp nước sinh hoạt đặc biệt quan trọng vì mục đích bảo đảm quốc phòng, an ninh gửi Bộ quản lý ngành tổng hợp;

5. Bảo đảm an ninh, an toàn cấp nước trong điều kiện biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh:

a) Kế hoạch cấp nước an toàn phải tính đến các nguy cơ, rủi ro đối với hệ thống cấp nước trong điều kiện biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh;

b) Kế hoạch cấp nước an toàn phải xác định các giải pháp khẩn cấp bảo đảm nguồn nước sạch sinh hoạt tối thiểu khi xảy ra sự cố, thiên tai, dịch bệnh;

c) Kịp thời thực hiện giải pháp đầu tư các dự án, công trình theo kế hoạch cấp nước an toàn.

6. Đơn vị cấp nước công bố và chịu trách nhiệm về thông tin nhà máy nước, vùng phục vụ cấp nước được thực hiện bảo đảm an ninh, an toàn cấp nước trên cổng thông tin điện tử của đơn vị cấp nước và của cơ quan quản lý cấp nước trên địa bàn.

7. Đơn vị cấp nước công bố nhà máy nước, vùng phục vụ cấp nước đã thực hiện bảo đảm an ninh, an toàn cấp nước được xem xét hưởng các ưu đãi trong phương án giá nước sạch và cơ chế khuyến khích, ưu đãi doanh nghiệp theo các quy định hiện hành.

8. Bộ quản lý ngành nghiên cứu, ban hành quy trình tự đánh giá và công nhận kết quả thực hiện bảo đảm an ninh, an toàn cấp nước của đơn vị cấp nước trên cổng thông tin điện tử.

9. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

## Mục 2

## QUẢN LÝ, VẬN HÀNH VÀ KHAI THÁC HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC

# Nguyên tắc quản lý, vận hành và khai thác hệ thống thoát nước

1. Quản lý, vận hành và khai thác hệ thống thoát nước phải tương thích hệ thống quản lý chất lượng quốc gia; tuân thủ quy định quản lý hoạt động thoát nước địa phương, bảo đảm thoát nước an toàn và quy trình vận hành được cơ quan, đơn vị có thẩm quyền phê duyệt.

2. Quản lý, vận hành và khai thác hệ thống thoát nước thực hiện đồng bộ theo lưu vực thoát nước.

3. Đơn vị thoát nước được thực hiện quản lý vận hành một số hạng mục công trình hoặc toàn bộ hệ thống thoát nước phải bảo đảm hoạt động ổn định, liên tục và đồng bộ của hệ thống thoát nước.

4. Đơn vị thoát nước được giao, thuê quản lý vận hành hệ thống thoát nước phải đáp ứng yêu cầu năng lực quản lý vận hành và trang thiết bị trong quá trình giám sát, vận hành, bảo trì hệ thống thoát nước.

5. Chủ đầu tư khu đô thị mới, khu chung cư, khu chức năng có trách nhiệm tổ chức quản lý vận hành, bảo trì hệ thống thoát nước đến khi bàn giao cho Ủy ban nhân dân được phân cấp quản lý.

6. Huy động cộng đồng dân cư tham gia quản lý vận hành mạng lưới thoát nước trong các khu dân cư.

# Yêu cầu quản lý, vận hành và khai thác hệ thống thoát nước

1. Lựa chọn đơn vị quản lý vận hành:

a) Chủ sở hữu, đại diện chủ sở hữu hệ thống thoát nước tổ chức lựa chọn, ký kết hợp đồng với đơn vị quản lý vận hành hệ thống thoát nước trên địa bàn do mình quản lý;

b) Đối với hệ thống thoát nước đô thị, nông thôn được đầu tư bằng nguồn vốn nhà nước, việc lựa chọn đơn vị thoát nước tuân thủ theo quy định pháp luật hiện hành về cung ứng sản phẩm dịch vụ công ích;

c) Đối với khu đô thị mới, khu chung cư, khu nhà ở, khu chức năng được đầu tư từ nguồn vốn khác, chủ đầu tư tổ chức quản lý vận hành hoặc thuê đơn vị thoát nước quản lý vận hành hệ thống thoát nước.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc chủ đầu tư hệ thống thoát nước quyết định đặt hàng đơn vị thoát nước có đủ năng lực quản lý vận hành trên địa bàn thực hiện quản lý vận hành hệ thống thoát nước trong thời gian không quá 12 tháng khi:

a) Hệ thống thoát nước được đầu tư xây dựng mới phải hoàn thiện thủ tục nghiệm thu, bàn giao công trình;

b) Chuyển tiếp công tác quản lý vận hành hệ thống thoát nước giữa hai đơn vị thoát nước hệ thống thoát nước có tính chất phức tạp.

3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc chủ đầu tư hệ thống thoát nước được đặt hàng quản lý vận hành hệ thống thoát nước trên địa bàn cần bảo đảm quốc phòng, an ninh trật tự.

4. Điều kiện năng lực để lựa chọn đơn vị vận hành hệ thống thoát nước và xử lý nước thải bao gồm:

a) Doanh nghiệp được thành lập có chức năng quản lý vận hành theo quy định;

b) Đội ngũ quản lý, nhân viên chủ chốt có kinh nghiệm công tác hoặc được đào tạo phù hợp với quy mô, tính chất từng loại công việc;

c) Có trang thiết bị, máy móc đáp ứng quy trình vận hành hệ thống thoát nước.

5. Đơn vị quản lý vận hành hệ thống thoát nước chỉ được cung cấp dịch vụ thoát nước sau khi có văn bản thông báo đủ điều kiện quản lý vận hành hệ thống thoát nước của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

6. Quy định quản lý hoạt động thoát nước địa phương được ban hành tuân thủ các quy định hiện hành về quản lý hoạt động thoát nước và phù hợp với điều kiện cụ thể của mỗi địa phương. Nội dung quy định quản lý hoạt động thoát nước địa phương bao gồm:

a) Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng; chủ sở hữu; các hệ thống thoát nước tại địa phương;

b) Quy định đấu nối thoát nước hệ thống thoát nước tại địa phương;

c) Quy định về đầu tư, xây dựng, quản lý vận hành hệ thống thoát nước;

d) Quy định về trách nhiệm lập, quản lý vận hành và sử dụng cơ sở dữ liệu hệ thống thoát nước;

đ) Quy định trách nhiệm báo cáo tình hình hoạt động thoát nước; trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của các bên liên quan;

e) Quy định hành lang bảo vệ công trình thoát nước và xử lý các vi phạm có liên quan; Quy định trách nhiệm của các cơ quan quản lý trong công tác xử lý vi phạm, lấn chiếm của hệ thống thoát nước và xử lý nước thải;

g) Quy định công tác giám sát, nghiệm thu công tác quản lý vận hành, bảo trì hệ thống công trình thoát nước và xử lý nước thải.

7. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức lập và ban hành quy định quản lý hoạt động thoát nước địa phương.

8. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

# Quy trình vận hành hệ thống thoát nước

 1. Quy trình vận hành hệ thống thoát nước là tài liệu quy định về trình tự, nội dung và chỉ dẫn thực hiện các công việc vận hành, bảo dưỡng công trình thoát nước trên toàn bộ lưu vực thoát nước mưa và nước thải. Quy trình vận hành hệ thống thoát nước được xây dựng trên cơ sở tích hợp các quy trình vận hành của một hoặc nhiều dự án, công trình thoát nước trong lưu vực thoát nước.

2. Quy trình vận hành hệ thống thoát nước bảo đảm hoạt động đồng bộ của hệ thống thoát nước từ nhà máy xử lý nước thải, bùn thải, trạm bơm, hồ điều hòa và mạng lưới thoát nước và được cập nhật quản lý thoát nước an toàn.

3. Quy trình vận hành hệ thống thoát nước phải tuân thủ tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thiết kế, vận hành, bảo trì; ứng dụng khoa học công nghệ, công nghệ thông tin trong vận hành đảm bảo đồng bộ, tối ưu hiệu quả chống ngập của hệ thống thoát nước.

4. Chủ sở hữu hệ thống thoát nước tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt quy trình vận hành hệ thống thoát nước sau khi lấy ý kiến của các cơ quan, tổ chức khác có liên quan đến quy trình vận hành hệ thống thoát nước.

5. Chủ sở hữu hệ thống thoát nước có trách nhiệm nghiên cứu, rà soát quy trình vận hành hướng tới việc vận hành hệ thống thoát nước theo thời gian thực nhằm tối ưu hóa nguồn lực, trang thiết bị cần thiết trong hợp đồng quản lý vận hành hệ thống thoát nước.

6. Quy trình vận hành được điều chỉnh khi có sự thay đổi điều kiện khai thác, thủy văn, hải văn, công nghệ hoặc ứng dụng công nghệ thông tin nhằm nâng cao hiệu quả quản lý vận hành.

7. Bộ quản lý ngành hướng dẫn tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt quy trình vận hành hệ thống thoát nước.

# Quản lý thoát nước gắn với quản lý cao độ nền

1. Cao độ nền mạng lưới thoát nước được xác định đồng bộ, thống nhất với cao độ hệ thống giao thông đường bộ, cao độ nền đô thị, nông thôn trong quy hoạch hệ thống giao thông đường bộ, quy hoạch đô thị và nông thôn, quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành.

2. Kiểm soát cao độ nền trong quá trình thực hiện quy hoạch hệ thống giao thông đường bộ, quy hoạch đô thị và nông thôn, quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành bảo đảm tính hiệu quả của hệ thống thoát nước chống ngập.

3. Xác định và quản lý cao độ mực nước trong các hồ điều hòa, kênh mương thoát nước nhằm bảo đảm tối đa khả năng tiêu thoát, điều hòa nước mưa, chống ngập úng, bảo đảm cảnh quan và bảo vệ môi trường.

4. Cơ quan có thẩm quyền thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, cấp phép xây dựng có trách nhiệm kiểm tra sự phù hợp giữa cao độ thiết kế công trình xây dựng với cao độ hệ thống giao thông đường bộ, cao độ nền đô thị, nông thôn.

# Quản lý công trình điều hòa nước

1. Công trình điều hòa nước là hồ điều hòa hoặc công trình trữ nước ngầm. Quản lý công trình điều hòa đáp ứng yêu cầu điều hòa nước mưa trong khu vực, đồng thời tạo cảnh quan môi trường sinh thái, kết hợp khu du lịch, vui chơi, giải trí và nuôi trồng thủy sản.

2. Ưu tiên bố trí quỹ đất công trình điều hòa nước trong các đồ án quy hoạch đô thị và nông thôn, quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành; đặc biệt đối với các đô thị, khu dân cư nông thôn bị ngập úng, có điều kiện thoát nước khó khăn hoặc lưu vực thoát nước cưỡng bức bằng trạm bơm thoát nước.

3. Các dự án khu đô thị mới, khu chức năng mới phải bố trí quỹ đất xây dựng công trình điều hòa nước đáp ứng điều hòa nước mưa cho dự án và giảm tải thoát nước mưa khu vực lân cận.

4. Việc xây dựng, khai thác, sử dụng công trình điều hòa nước phải được kiểm tra, giám sát theo các quy định của pháp luật.

5. Duy trì mực nước ổn định của hồ điều hòa, phát huy tối đa nhiệm vụ điều hòa nước mưa.

6. Kiểm soát việc xả nước thải vào công trình điều hòa nước; định kỳ nạo vét đáy hồ điều hòa, vệ sinh lòng hồ và bờ hồ.

7. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức lập quy trình quản lý và khai thác, sử dụng hồ điều hòa đồng bộ với chức năng của hệ thống thoát nước theo danh mục hồ, ao, đầm, phá quy định tại Luật Tài nguyên nước.

# Quản lý bùn thải

1. Bùn thải phát sinh từ nhà máy xử lý nước sạch, nước thải và mạng lưới thoát nước, được phân loại, thu gom, lưu giữ, vận chuyển, xử lý phù hợp với công nghệ xử lý và bảo đảm đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường.

2. Thu gom và xử lý bùn thải được khuyến khích áp dụng công nghệ xử lý tiên tiến, thân thiện với môi trường, tiết kiệm năng lượng và phù hợp với điều kiện địa phương.

3. Tái sử dụng bùn thải làm nhiên liệu, phân bón và vật liệu xây dựng. Việc xử lý và tái sử dụng bùn thải phải tuân thủ các quy định về quản lý và sử dụng bùn thải do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành và các quy định về bảo vệ môi trường.

4. Bùn thải từ hệ thống thoát nước khu chức năng có chứa thành phần chất thải nguy hại được quản lý theo quy định pháp luật bảo vệ môi trường.

5. Khu xử lý bùn thải được xác định trong quy hoạch tỉnh, quy hoạch đô thị và nông thôn, quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành; bảo đảm đáp ứng yêu cầu vận chuyển, xử lý bùn thải từ bể tự hoại, các nhà máy xử lý nước thải và trên mạng lưới thoát nước.

6. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

# Sử dụng nước mưa, tái sử dụng nước thải sau xử lý

1. Tăng cường sử dụng nước mưa, tái sử dụng nước thải cho tưới cây, rửa đường, phát triển nông nghiệp theo mô hình kinh tế tuần hoàn;

 2. Quản lý sử dụng nước mưa:

a) Khuyến khích chủ đầu tư khu chức năng, khu đô thị mới, khu chung cư, các hộ gia đình xây dựng hệ thống thu gom, lưu trữ và sử dụng nước mưa cho mục đích tưới cây, rửa đường, cứu hỏa và các nhu cầu khác;

b) Tổ chức, cá nhân đầu tư thiết bị, công nghệ xử lý và sử dụng nước mưa được hỗ trợ vay vốn ưu đãi và các ưu đãi khác theo quy định của pháp luật;

c) Việc sử dụng nước mưa phải đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật chất lượng nước theo mục đích sử dụng nước.

3. Quản lý, tái sử dụng nước thải sau xử lý:

a) Tái sử dụng nước thải sau xử lý phải phù hợp với chất lượng nước theo mục đích sử dụng được quy định trong tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia chuyên ngành về chất lượng nước; không ảnh hưởng đến sức khỏe của người dân và đảm bảo an toàn vệ sinh môi trường;

b) Tái sử dụng nước thải sau xử lý phải được phân phối đến nơi tiêu thụ theo hệ thống riêng, bảo đảm không xâm nhập và ảnh hưởng đến hệ thống cấp nước sạch trên cùng địa bàn, khu vực;

c) Khuyến khích các tổ chức, cá nhân quản lý các khu chức năng, cơ sở sản xuất, dịch vụ, cơ quan hành chính tái sử dụng nước thải cho các nhu cầu khác.

4. Bộ quản lý ngành chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan ban hành tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật chất lượng nước tái sử dụng cho các mục đích khác của đô thị và nông thôn.

# Quản lý sử dụng tài sản hệ thống thoát nước

1. Hệ thống thoát nước do Nhà nước đầu tư và hệ thống thoát nước được xác lập sở hữu toàn dân thuộc tài sản công; phải được quản lý, khai thác, bảo trì, được thống kê, kiểm kê.

2. Việc quản lý vận hành, bảo trì, bảo vệ hệ thống thoát nước thuộc tài sản công được thực hiện theo quy định của Luật này và Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định phân cấp chủ sở hữu hoặc ủy quyền đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện chức năng quản lý tài sản hệ thống thoát nước.

4. Đơn vị quản lý tài sản hệ thống thoát nước tham mưu, phối hợp với chủ sở hữu, chủ đầu tư hệ thống thoát nước:

a) Tiếp nhận, bàn giao tài sản, thanh lý tài sản, bán tài sản hệ thống thoát nước;

b) Lựa chọn đơn vị quản lý vận hành;

c) Kiểm soát tài sản gắn với quy trình vận hành hệ thống thoát nước;

d) Đầu tư nâng cấp, cải tạo, phá dỡ hệ thống thoát nước;

đ) Trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

# Quản lý thoát nước an toàn

1. Quản lý thoát nước an toàn nhằm kiểm soát các nguy cơ, rủi ro liên quan đến hoạt động thoát nước dưới tác động của biến đổi khí hậu, con người và phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm hệ thống thoát nước hoạt động ổn định, chống ngập và bảo vệ môi trường. Quản lý thoát nước an toàn là một nội dung trong quy trình vận hành hệ thống thoát nước.

2. Nội dung quản lý thoát nước an toàn bao gồm:

a) Xác định, phân tích và đánh giá mức độ các nguy cơ, rủi ro đối với hệ thống thoát nước;

b) Xác định các biện pháp kiểm soát, phòng ngừa, khắc phục rủi ro;

c) Kế hoạch, quy trình ứng phó với biến đổi xảy ra trong điều kiện vận hành có sự cố, mất kiểm soát và tình huống khẩn cấp;

d) Kiểm soát chặt chẽ các nguồn xả thải, chất lượng nước thải xả vào mạng lưới thoát nước và xả trực tiếp ra môi trường;

đ) Quản lý cơ sở dữ liệu có liên quan quản lý thoát nước an toàn.

3. Quản lý thoát nước an toàn thích ứng điều kiện biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh:

a) Quản lý thoát nước an toàn phải tính đến các nguy cơ, rủi ro đối với hệ thống thoát nước trong điều kiện biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh;

b) Quản lý thoát nước an toàn phải xác định các giải pháp khẩn cấp giảm thiểu tối đa tác động biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh;

c) Kịp thời thực hiện giải pháp theo quản lý thoát nước an toàn.

4. Chủ đầu tư hệ thống thoát nước, đơn vị thoát nước có trách nhiệm tổ chức cập nhật nội dung quản lý thoát nước an toàn, lấy ý kiến thỏa thuận của cơ quan quản lý chuyên ngành trước khi phê duyệt quy trình vận hành hệ thống thoát nước.

5. Bộ quản lý ngành hướng dẫn quản lý thoát nước an toàn.

## Chương V

## DỊCH VỤ CẤP, THOÁT NƯỚC

## Mục 1

## DỊCH VỤ CẤP NƯỚC

# Chất lượng dịch vụ cấp nước

1. Quản lý chất lượng dịch vụ cấp nước bao gồm: chất lượng nước sạch, lưu lượng nước, áp lực nước, tính ổn định và liên tục trong hoạt động cấp nước; việc thực hiện bảo đảm an ninh, an toàn cấp nước; sự hài lòng của khách hàng sử dụng nước.

2. Chất lượng dịch vụ cấp nước của công trình cấp nước tập trung và phân tán phải bảo đảm theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định; chất lượng dịch vụ cấp nước của công trình cấp nước quy mô hộ gia đình do các hộ gia định sử dụng nước tự chịu trách nhiệm.

3. Đơn vị cấp nước có trách nhiệm bảo đảm, duy trì chất lượng nước sạch, từng bước nâng cao chất lượng dịch vụ cấp nước và thực hiện bảo đảm an ninh, an toàn cấp nước.

4. Sự hài lòng của khách hàng sử dụng nước do đơn vị cấp nước tổ chức lấy phiếu đánh giá trực tiếp và trên cổng thông tin điện tử; được công bố định kỳ hằng năm.

5. Đối với các khu vực được công bố thực hiện bảo đảm an ninh, an toàn cấp nước, đơn vị cấp nước phổ biến, tuyên truyền tới người dân, khách hàng sử dụng nước, thúc đẩy kết nối trực tiếp mạng lưới cấp nước đường phố với đường ống cấp nước trong nhà, sử dụng nước trực tiếp từ vòi nước trong nhà không thông qua bể trữ nước sạch.

# Điều kiện kinh doanh nước sinh hoạt

1. Kinh doanh nước sinh hoạt thuộc danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện. Tổ chức tham gia đầu tư, vận hành hệ thống cấp nước có quy mô từ 1.000 m3/ngày đêm trở lên nhằm mục đích kinh doanh bán buôn, bán lẻ nước sinh hoạt phải được cấp Giấy chứng nhận kinh doanh nước sinh hoạt theo nhà máy nước hoặc vùng phục vụ cấp nước trước khi công trình cấp nước đưa vào khai thác vận hành.

2. Điều kiện kinh doanh nước sinh hoạt bao gồm:

a) Doanh nghiệp có tư cách pháp nhân;

b) Tổ chức bộ máy quản lý vận hành;

c) Yêu cầu tối thiểu về năng lực chuyên ngành của lãnh đạo và nhân sự phụ trách bộ phận chuyên môn;

d) Khả năng tài chính cho vận hành, cải tạo, nâng cao chất lượng dịch vụ hoặc đầu tư nâng công suất nhà máy nước, mở rộng vùng phục vụ cấp nước;

đ) Một số điều kiện khác kèm theo bao gồm: dự thảo hợp đồng thực hiện dịch vụ cấp nước, dự thảo kế hoạch phát triển cấp nước, dự thảo kế hoạch cấp nước an toàn, yêu cầu chất lượng nước, chất lượng dịch vụ cấp nước.

3. Thẩm quyền cấp và thu hồi Giấy chứng nhận kinh doanh nước sinh hoạt:

a) Ủy ban nhân dân theo phân cấp có thẩm quyền cấp và thu hồi Giấy chứng nhận kinh doanh nước sinh hoạt cho tổ chức thực hiện vận hành công trình cấp nước; lấy ý kiến thẩm tra của Bộ quản lý ngành đối với công trình cấp nước quy mô vùng liên tỉnh và công trình cấp nước thuộc danh mục công trình cấp nước sinh hoạt đặc biệt quan trọng;

b) Bộ quản lý ngành có ý kiến thẩm tra đối với công trình cấp nước quy mô vùng liên tỉnh và công trình cấp nước thuộc danh mục công trình cấp nước sinh hoạt đặc biệt quan trọng.

4. Nội dung Giấy chứng nhận kinh doanh nước sinh hoạt:

a) Thông tin của doanh nghiệp;

b) Thông tin về vùng phục vụ cấp nước, nhà máy nước.

5. Giấy chứng nhận kinh doanh nước sinh hoạt là cơ sở để Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc cơ quan được ủy quyền ký kết hợp đồng thực hiện dịch vụ cấp nước với đơn vị cấp nước.

6. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

# Quản lý hợp đồng cấp nước

1. Hợp đồng thực hiện dịch vụ cấp nước:

a) Hợp đồng thực hiện dịch vụ cấp nước là văn bản pháp lý được ký kết giữa Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc cơ quan được ủy quyền với đơn vị cấp nước được giao thực hiện dịch vụ cấp nước bán buôn, bán lẻ trên địa bàn. Hợp đồng thực hiện dịch vụ cấp nước phải được ký kết trước khi công trình cấp nước đưa vào khai thác vận hành;

b) Nội dung hợp đồng thực hiện dịch vụ cấp nước phải thể hiện về: nhà máy nước, vùng cấp nước, vùng phục vụ cấp nước; dự kiến kế hoạch và nguồn tài chính phát triển cấp nước theo vùng phục vụ; phương án giá nước, lộ trình và các nguyên tắc điều chỉnh giá nước sạch; các điều kiện và lộ trình cải thiện chất lượng dịch vụ; nghĩa vụ, quyền hạn các bên liên quan;

c) Đối với công trình cấp nước sinh hoạt đặc biệt quan trọng, công trình cấp nước quy mô vùng liên tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc cơ quan được ủy quyền lấy ý kiến thỏa thuận với Bộ quản lý ngành trước khi ký kết với đơn vị cấp nước;

d) Hợp đồng thực hiện dịch vụ cấp nước là căn cứ xây dựng kế hoạch phát triển cấp nước theo vùng phục vụ và kế hoạch cấp nước an toàn.

2. Hợp đồng dịch vụ cấp nước bán buôn:

a) Hợp đồng dịch vụ cấp nước bán buôn là văn bản pháp lý được ký kết giữa đơn vị cấp nước bán buôn nước sạch và đơn vị cấp nước bán lẻ nước sạch thông qua điểm đấu nối đồng hồ tổng; hợp đồng dịch vụ cấp nước bán buôn phải được Ủy ban nhân dân theo phân cấp có ý kiến đồng thuận;

b) Nội dung hợp đồng dịch vụ cấp nước bán buôn phải thể hiện được quyền và nghĩa vụ các bên tham gia ký kết hợp đồng; các điều kiện chất lượng dịch vụ, giá nước sạch bán buôn, phương thức thanh toán; các quy định để bảo đảm sự ổn định, an toàn cấp nước và chất lượng nước sạch.

3. Hợp đồng dịch vụ cấp nước (hợp đồng cấp nước bán lẻ):

a) Hợp đồng dịch vụ cấp nước là văn bản pháp lý được ký kết giữa đơn vị cấp nước với khách hàng sử dụng nước;

b) Nội dung hợp đồng dịch vụ cấp nước quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của hai bên tham gia hợp đồng; các điều kiện chất lượng dịch vụ, giá nước sạch, phương thức thanh toán; những quy định của pháp luật về cấp nước có liên quan đến đơn vị cấp nước và khách hàng sử dụng nước.

4. Hợp đồng thuê quản lý vận hành công trình cấp nước:

a) Hợp đồng thuê quản lý vận hành công trình cấp nước là văn bản pháp lý ký kết giữa chủ đầu tư công trình cấp nước với tổ chức, doanh nghiệp có năng lực quản lý vận hành để thực hiện quản lý vận hành công trình cấp nước;

b) Nội dung hợp đồng thuê quản lý vận hành công trình cấp nước phải thể hiện được quyền và nghĩa vụ các bên tham gia ký kết hợp đồng; quy trình vận hành; các điều kiện chất lượng dịch vụ và bảo đảm an ninh, an toàn cấp nước; trách nhiệm pháp lý liên quan đến chất lượng dịch vụ.

5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

# Quản lý đấu nối cấp nước

1. Đơn vị cấp nước phải thiết lập các điểm đấu nối vào mạng lưới cấp nước cho mỗi khách hàng sử dụng nước; các điểm đấu nối được đặt sát chỉ giới sử dụng đất của khách hàng sử dụng nước hoặc được thỏa thuận giữa đơn vị cấp nước và khách hàng sử dụng nước.

2. Điểm đấu nối bao gồm đồng hồ đo nước và các trang thiết bị kiểm soát, bảo vệ chất lượng dịch vụ cấp nước tại điểm đấu nối.

3. Đơn vị cấp nước có trách nhiệm đầu tư và tổ chức đấu nối đảm bảo hoạt động ổn định của hệ thống cấp nước; khách hàng trong vùng phục vụ cấp nước được quyền tiếp cận nguồn nước sạch, yêu cầu đơn vị cấp nước thực hiện đấu nối và chịu trách nhiệm chi trả chi phí đấu nối, chi phí duy trì đấu nối thông qua giá nước sạch hoặc được trừ dần vào tiền sử dụng nước.

4. Bộ quản lý ngành hướng dẫn chi tiết Điều này.

# Quyền và trách nhiệm của đơn vị cấp nước và khách hàng sử dụng nước sạch

1. Quyền của đơn vị cấp nước:

a) Hoạt động kinh doanh cấp nước theo các quy định, được phép vào khu vực quản lý của khách hàng sử dụng nước để thao tác bảo trì và thay thế mới trang thiết bị cấp nước, đường ống và đồng hồ đo nước;

b) Đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét sửa đổi, bổ sung các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật có liên quan đến hoạt động cấp nước;

c) Được quyền tham gia ý kiến vào việc lập quy hoạch cấp nước trên địa bàn;

d) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Trách nhiệm của đơn vị cấp nước:

a) Tuân thủ các quy trình, quy phạm vận hành hệ thống cấp nước, chất lượng dịch vụ cấp nước;

b) Xử lý kịp thời sự cố, khôi phục việc cấp nước;

c) Đầu tư, lắp đặt đường ống đến điểm đấu nối bao gồm cả đồng hồ nước cho khách hàng sử dụng nước, các thiết bị đo đếm và thiết bị phụ trợ khác;

d) Phối hợp với cơ quan có chức năng bảo vệ an toàn nguồn cấp nước, xây dựng đới phòng hộ vệ sinh khu vực lấy nước, hệ thống công trình cấp nước theo quy định;

đ) Báo cáo đột xuất khi được yêu cầu và định kỳ theo quy định tới chính quyền địa phương và cơ quan quản lý nhà nước về cấp nước ở địa phương và trung ương;

e) Bồi thường khi gây thiệt hại cho các bên liên quan theo quy định của pháp luật;

g) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

3. Quyền của khách hàng sử dụng nước:

a) Được cung cấp đầy đủ, kịp thời về số lượng, bảo đảm về chất lượng dịch vụ đã nêu trong hợp đồng;

b) Yêu cầu đơn vị cấp nước kịp thời khôi phục việc cấp nước khi có sự cố;

c) Được cung cấp hoặc giới thiệu thông tin về hoạt động cấp nước;

d) Yêu cầu đơn vị cấp nước kiểm tra chất lượng dịch vụ, tính chính xác của thiết bị đo đếm, số tiền nước phải thanh toán;

đ) Khiếu nại, tố cáo các hành vi vi phạm pháp luật về cấp nước của đơn vị cấp nước hoặc các bên có liên quan;

e) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

4. Trách nhiệm của khách hàng sử dụng nước:

a) Thông báo kịp thời cho đơn vị cấp nước khi phát hiện những dấu hiệu bất thường có thể gây mất nước, ảnh hưởng đến chất lượng dịch vụ, mất an toàn cho người và tài sản;

b) Tạo điều kiện để đơn vị cấp nước kiểm tra, ghi chỉ số của đồng hồ đo nước;

c) Bảo đảm các trang thiết bị sử dụng nước sau điểm đấu nối đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, phù hợp với đặc tính kỹ thuật trang thiết bị của đấu nối và mạng lưới cấp nước;

d) Thanh toán tiền nước đầy đủ, đúng thời hạn và thực hiện các thỏa thuận khác trong hợp đồng dịch vụ cấp nước;

đ) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

## Mục 2

## DỊCH VỤ THOÁT NƯỚC

# Quản lý hợp đồng thoát nước

1. Hợp đồng quản lý vận hành hệ thống thoát nước:

a) Hợp đồng quản lý vận hành hệ thống thoát nước là văn bản pháp lý được ký kết giữa chủ sở hữu hoặc đại diện chủ sở hữu công trình thoát nước và đơn vị được giao quản lý vận hành hệ thống thoát nước;

b) Nội dung hợp đồng thoát nước phải thể hiện về hồ sơ tài sản (danh mục tài sản, giá trị tài sản, tổ chức bảo vệ tài sản, tổ chức định kỳ kiểm tra, đánh giá chất lượng, lập kế hoạch bảo trì hàng năm và thực hiện bảo trì tài sản); hồ sơ quản lý mạng lưới, các công trình thoát nước, quy trình quản lý vận hành hệ thống thoát nước và các yêu cầu kỹ thuật; tiêu chuẩn dịch vụ; tài chính của hợp đồng; nghĩa vụ, quyền hạn các bên liên quan; xử lý vi phạm hợp đồng; các nội dung khác do hai bên thỏa thuận;

c) Hợp đồng quản lý vận hành hệ thống thoát nước có thời hạn ngắn nhất là 03 năm và dài nhất là 05 năm;

d) Chi phí quản lý vận hành hệ thống thoát nước được sử dụng từ nguồn ngân sách nhà nước và nguồn thu giá dịch vụ thoát nước đô thị, nông thôn.

2. Hợp đồng dịch vụ thoát nước:

a) Hợp đồng dịch vụ thoát nước là văn bản pháp lý được ký kết giữa chủ sở hữu hoặc đại diện chủ sở hữu công trình thoát nước với hộ thoát nước (trừ hộ gia đình) xả nước thải vào hệ thống thoát nước;

b) Nội dung hợp đồng dịch vụ thoát nước phải thể hiện về điểm đấu nối; khối lượng, chất lượng nước thải xả vào hệ thống; chất lượng dịch vụ; giá dịch vụ thoát nước; quyền và nghĩa vụ của các bên.

3. Hợp đồng theo phương thức đối tác công tư công trình xử lý nước thải:

a) Hợp đồng theo phương thức đối tác công tư công trình xử lý nước thải là văn bản pháp lý được ký kết giữa Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc cơ quan được ủy quyền với doanh nghiệp được lựa chọn đầu tư, vận hành công trình xử lý nước thải;

b) Nội dung hợp đồng theo phương thức đối tác công tư công trình xử lý nước thải thực hiện theo quy định của Luật này, pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

# Quản lý đấu nối mạng lưới thoát nước

1. Nguyên tắc đấu nối mạng lưới thoát nước:

a) Các hộ thoát nước nằm trong phạm vi hệ thống thoát nước là đối tượng phải đấu nối vào mạng lưới thoát nước;

b) Đối với khu vực có mạng lưới thoát nước chung, nước thải của hộ thoát nước phải được xử lý cục bộ, khuyến khích xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia trước khi xả vào mạng lưới thoát nước;

c) Hạn chế đến mức thấp nhất lượng nước thải thấm vào lòng đất hoặc chảy vào các nguồn tiếp nhận khác;

d) Các hộ thoát nước là các cơ sở sản xuất, dịch vụ có lưu lượng nước thải lớn phải xử lý nước thải đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải xả vào mạng lưới thoát nước;

đ) Nước thải sinh hoạt, sản xuất được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia được phép kết nối vào mạng lưới thoát nước mưa hoặc hệ thống tưới, tiêu nước thủy lợi, lưu vực sông.

2. Yêu cầu đấu nối mạng lưới thoát nước:

a) Đơn vị thoát nước phải xác định điểm đấu nối hệ thống thoát nước bảo đảm đồng bộ với các công trình hạ tầng kỹ thuật; điểm đấu nối phải đặt bên ngoài và gần chỉ giới sử dụng đất của hộ thoát nước;

b) Hộ thoát nước có trách nhiệm đầu tư đường ống thoát nước trong phạm vi khuôn viên phần đất tư của mình và đấu nối vào hộp đấu nối;

c) Các hộ thoát nước phải tách riêng nước mưa và nước thải sinh hoạt, sản xuất, dịch vụ trước khi đấu nối vào mạng lưới thoát nước;

d) Việc đầu tư xây dựng lắp đặt đường ống thoát nước trong khuôn viên công trình, nhà ở của hộ thoát nước phải tuân thủ theo quy chuẩn kỹ thuật hiện hành và các yêu cầu trong các nội dung về quy định đấu nối và thỏa thuận đấu nối;

đ) Chủ sở hữu hệ thống thoát nước có trách nhiệm đầu tư xây dựng hộp đấu nối và đường ống thoát nước kết nối với mạng lưới thoát nước trên địa bàn.

3. Nội dung quy định đấu nối:

a) Quy định đấu nối nhằm bảo đảm việc đấu nối được thực hiện khi triển khai các dự án đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước mới hoặc mở rộng phạm vi bao phủ dịch vụ thoát nước hiện có;

b) Nội dung quy định đấu nối bao gồm: điểm đấu nối; cao độ của điểm đấu nối; hộp đấu nối; thời điểm đấu nối; chất lượng, khối lượng nước thải xả vào điểm đấu nối; kinh phí đấu nối, chính sách hỗ trợ và thúc đẩy đấu nối; quyền, trách nhiệm của các bên liên quan và cơ chế phối hợp;

c) Quy định đấu nối là một nội dung trong quy định quản lý hoạt động thoát nước địa phương do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành;

d) Đại diện chủ sở hữu hệ thống thoát nước có trách nhiệm thông báo dịch vụ thoát nước và quy định đấu nối cho cộng đồng dân cư trên địa bàn.

4. Thỏa thuận đấu nối là văn bản thỏa thuận giữa chủ sở hữu công trình thoát nước, đơn vị thoát nước và hộ thoát nước về vị trí đấu nối, các yêu cầu kỹ thuật của điểm đấu nối, thời điểm đấu nối, chất lượng, khối lượng nước thải xả vào điểm đấu nối.

5. Bộ quản lý ngành hướng dẫn đấu nối mạng lưới thoát nước.

# Quyền và trách nhiệm của đơn vị thoát nước và hộ thoát nước

1. Quyền và trách nhiệm của đơn vị thoát nước:

a) Được thanh toán đúng và đủ chi phí dịch vụ thoát nước theo hợp đồng quản lý vận hành hệ thống thoát nước đã ký kết;

b) Được bồi thường thiệt hại do các bên liên quan gây ra theo quy định của pháp luật;

c) Bảo vệ an toàn, hiệu quả và tiết kiệm trong quản lý vận hành hệ thống thoát nước và xử lý nước thải theo quy định;

d) Quản lý tài sản được đầu tư từ nguồn vốn của chủ sở hữu công trình thoát nước và xử lý nước thải theo hợp đồng quản lý vận hành hệ thống thoát nước đã ký kết;

đ) Xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện quy trình quản lý vận hành hệ thống thoát nước;

e) Bảo đảm duy trì ổn định dịch vụ thoát nước theo quy định;

g) Thiết lập và cập nhật cơ sở dữ liệu hộ thoát nước và hệ thống thoát nước, quản lý các hộ thoát nước đấu nối vào hệ thống thoát nước do mình quản lý; phối hợp với đơn vị cấp nước hoặc trực tiếp tổ chức thu tiền dịch vụ thoát nước theo quy định;

h) Cung cấp thông tin thỏa thuận đấu nối cho các đối tượng có nhu cầu;

i) Báo cáo định kỳ theo quy định tới chủ sở hữu và cơ quan quản lý nhà nước về thoát nước;

k) Khắc phục sự cố hệ thống thoát nước khi bị làm hư hỏng, thiên tai làm hư hỏng. Xử lý sự cố, khôi phục việc thoát nước và xử lý nước thải.

2. Quyền và trách nhiệm của hộ thoát nước:

a) Được cung cấp dịch vụ thoát nước và được giới thiệu thông tin về hoạt động thoát nước;

b) Đấu nối hệ thống thoát nước của công trình vào hệ thống thoát nước đúng các quy định của thỏa thuận đấu nối;

c) Yêu cầu đơn vị thoát nước kịp thời khắc phục khi có sự cố xảy ra;

d) Xả nước thải vào hệ thống thoát nước đúng quy định, quy chuẩn kỹ thuật do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành;

đ) Thanh toán tiền dịch vụ thoát nước đầy đủ, đúng thời hạn;

e) Thông báo kịp thời cho đơn vị thoát nước khi thấy các hiện tượng bất thường có thể gây sự cố đối với hệ thống thoát nước;

g) Bồi thường khi gây thiệt hại cho các bên liên quan theo quy định của pháp luật.

## Chương VI

## GIÁ NƯỚC SẠCH VÀ DỊCH VỤ THOÁT NƯỚC

## Mục 1

## GIÁ NƯỚC SẠCH

# Nguyên tắc, căn cứ định giá nước sạch

1. Nguyên tắc định giá

a) Bảo đảm bù đắp toàn bộ chi phí sản xuất, kinh doanh hợp lý, hợp lệ trong quá trình khai thác nước thô, sản xuất, phân phối nước sạch và lợi nhuận hợp lý của đơn vị cấp nước; phù hợp với đặc điểm, điều kiện khai thác nguồn nước, điều kiện sản xuất, phân phối, quan hệ cung cầu về nước sạch, thu nhập của người dân từng địa phương, từng khu vực, từng vùng tại thời điểm định giá và chất lượng nước sạch theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do cơ quan có thẩm quyền công bố;

b) Khuyến khích việc khai thác, sản xuất, phân phối và sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả phù hợp với từng đối tượng tiêu dùng và mục đích sử dụng nước;

c) Bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của nhà nước, đơn vị cấp nước và khách hàng sử dụng nước;

d) Thực hiện cơ chế bù chéo về giá nước sạch giữa giá bán lẻ nước sạch cho sinh hoạt và giá bán lẻ nước sạch cho các mục đích sử dụng khác theo một lộ trình thích hợp, giảm dần và tiến tới xóa bỏ cơ chế bù chéo về giá tùy thuộc điều kiện cụ thể của mỗi địa phương;

đ) Thực hiện điều hòa giá nước sạch giữa các vùng phục vụ cấp nước trên địa bàn một tỉnh do một đơn vị cấp nước thực hiện; cơ chế điều hòa về giá hợp lý giữa giá nước sạch của các đơn vị cấp nước hướng tới giá nước sạch thống nhất trên địa bàn toàn tỉnh;

e) Quy định giá nước sạch cho một năm hoặc lộ trình giá cho một số năm phù hợp với điều kiện thực tế tại địa phương;

g) Trường hợp giá nước sạch được quyết định thấp hơn phương án giá nước sạch đã được tính đúng, tính đủ theo quy định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét hoàn chi phí vào lộ trình điều chỉnh giá nước sạch hoặc cấp bù từ ngân sách địa phương;

h) Đối với các dự án, công trình cấp nước quy mô vùng liên tỉnh, công trình cấp nước khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo, vùng khó khăn về nguồn nước, ô nhiễm nguồn nước và vùng chịu tác động của biến đổi khí hậu; giá nước sạch được nhà nước hỗ trợ thông qua miễn, giảm chi phí khấu hao tài sản công hoặc miễn, giảm chi phí thu hồi vốn đầu tư công trong phương án giá nước phù hợp với cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ của nhà nước theo từng thời kỳ.

2. Căn cứ định giá

a) Chi phí sản xuất kinh doanh, cung cấp dịch vụ nước sạch; giá thành toàn bộ phù hợp với mặt bằng giá thị trường tại thời điểm tính giá, lợi nhuận hợp lý của đơn vị cấp nước, các nghĩa vụ tài chính theo quy định;

b) Các tiêu chuẩn quốc gia do cơ quan có thẩm quyền quyết định công bố; quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, định mức kinh tế - kỹ thuật do cơ quan có thẩm quyền quyết định, ban hành;

c) Các cơ chế, chính sách của Nhà nước trong từng thời kỳ liên quan trực tiếp đến sản xuất, chi phí sản xuất kinh doanh và cung cấp dịch vụ cấp nước;

d) Quan hệ cung cầu về nước sạch, khả năng chi trả của người tiêu dùng và tác động của mức giá đến chỉ số giá tiêu dùng hàng hóa, dịch vụ trên địa bàn từng địa phương.

# Phương pháp định giá nước sạch

1. Phương pháp định giá nước sạch được thực hiện theo nguyên tắc, căn cứ định giá quy định tại Luật này để tính đúng, tính đủ các chi phí sản xuất, kinh doanh hợp lý, hợp lệ được tính vào giá nước sạch và lợi nhuận của đơn vị cấp nước.

2. Bộ quản lý ngành chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan hướng dẫn nguyên tắc, phương pháp định giá đối với nước thô và nước sạch.

# Điều chỉnh giá nước sạch

1. Hàng năm, hoặc các năm tiếp theo khi các căn cứ định giá quy định tại Luật này có thay đổi làm thay đổi mức giá, các chi phí cấu thành giá nước sạch thì cơ quan, tổ chức được giao quyền lập phương án giá phải lập hồ sơ phương án giá trình cấp có thẩm quyền quyết định.

2. Các cơ quan có thẩm quyền định giá, điều chỉnh giá có trách nhiệm kịp thời xem xét, điều chỉnh giá hoặc lộ trình giá bảo đảm đơn vị cấp nước hoạt động ổn định, hiệu quả.

# Thẩm quyền quyết định giá, điều chỉnh giá nước sạch

1. Giá bán nước thô:

a) Đối với công trình cấp nước thô quy mô vùng liên tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trạm bơm nước thô nằm trên địa bàn làm chủ trì, phối hợp với các Ủy ban nhân dân cấp tỉnh khác, Bộ quản lý ngành, chủ đầu tư, đơn vị cấp nước thô quyết định giá bán nước thô;

b) Đối với công trình cấp nước thô trên địa bàn một tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định giá bán nước thô.

2. Giá bán buôn nước sạch:

a) Giá bán buôn nước sạch của công trình cấp nước quy mô vùng liên tỉnh do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh của tỉnh có nhà máy nước hoặc trạm bơm nước nằm trên địa bàn làm chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh khác, Bộ quản lý ngành, chủ đầu tư, đơn vị cấp nước quy mô vùng liên tỉnh quyết định giá bán buôn nước sạch;

b) Giá bán buôn nước sạch của công trình cấp nước trên địa bàn một tỉnh do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định theo mục đích, quy mô sử dụng.

3. Giá bán lẻ nước sạch:

a) Bộ Tài chính quy định khung giá bán lẻ nước sạch;

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định giá nước sạch cụ thể theo từng mục đích sử dụng trên địa bàn tỉnh.

4. Thẩm quyền thẩm định phương án giá và quyết định mức giá:

a) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức thẩm định, ban hành giá nước thô, sạch và lộ trình điều chỉnh giá;

b) Chủ đầu tư, đơn vị cấp nước lập phương án giá trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thẩm định, phê duyệt.

## Mục 2

## GIÁ DỊCH VỤ THOÁT NƯỚC

# Nguyên tắc, căn cứ định giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải

1. Nguyên tắc định giá:

a) Giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải viết tắt là giá dịch vụ thoát nước là toàn bộ chi phí sản xuất được tính đúng, tính đủ và mức lợi nhuận hợp lý để thực hiện dịch vụ thoát nước;

b) Bảo đảm bù đắp toàn bộ chi phí sản xuất, kinh doanh hợp lý hợp lệ của quá trình đầu tư, khai thác, quản lý, vận hành, bảo trì, cung ứng dịch vụ và lợi nhuận của đơn vị thoát nước; phù hợp với phương pháp, công nghệ xử lý, định mức kinh tế - kỹ thuật của từng hệ thống thoát nước, từng địa phương, từng khu vực, từng vùng tại thời điểm định giá; bảo đảm nước thải xử lý tính theo hàm lượng chất gây ô nhiễm đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do cơ quan có thẩm quyền quyết định, ban hành;

c) Những chi phí không phù hợp và khó thu hồi do bản chất khách quan có thể bị loại trừ khỏi giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải;

d) Bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà nước, đơn vị thoát nước và các hộ thoát nước sử dụng dịch vụ thoát nước;

đ) Giá dịch vụ thoát nước đối với nhóm nước thải sinh hoạt được nhà nước hỗ trợ thông qua miễn, giảm chi phí khấu hao tài sản công trình thoát nước hoặc miễn, giảm chi phí thu hồi vốn đầu tư công trình thoát nước trong phương án giá dịch vụ thoát nước phù hợp với cơ chế, chính sách hỗ trợ của nhà nước theo từng thời kỳ;

g) Giá dịch vụ thoát nước đối với nhóm nước thải sinh hoạt được xác định theo lộ trình, từ bảo đảm công tác vận hành, bảo trì công trình tiến tới thu hồi chi phí đầu tư trang thiết bị xử lý nước thải và toàn bộ chi phí đầu tư nhà máy xử lý nước thải;

h) Trường hợp giá dịch vụ thoát nước do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định không đủ thu hồi chi phí chi trả công tác vận hành, bảo trì công trình và thu hồi nguồn vốn tư nhân đầu tư công trình thoát nước thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải cấp bù từ ngân sách địa phương cho phần chênh lệch chi phí đầu tư, vận hành, bảo trì công trình và mức giá do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định.

2. Căn cứ định giá:

a) Chi phí dịch vụ thoát nước được xác định cho từng loại hệ thống thoát nước;

b) Yếu tố hình thành giá dịch vụ thoát nước tại thời điểm định giá hoặc thời gian xác định yếu tố hình thành giá trong phương án giá phù hợp với chất lượng cung cấp dịch vụ thoát nước, nguồn lực đầu tư từ ngân sách nhà nước và khả năng chi trả của người sử dụng dịch vụ;

c) Chi phí sản xuất, cung ứng dịch vụ; giá thành toàn bộ phù hợp với mặt bằng giá thị trường tại thời điểm tính giá, lợi nhuận của đơn vị thoát nước; các nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật;

d) Các tiêu chuẩn quốc gia do cơ quan có thẩm quyền quyết định công bố; quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, định mức kinh tế - kỹ thuật do cơ quan có thẩm quyền quyết định, ban hành;

đ) Các cơ chế, chính sách của Nhà nước trong từng thời kỳ liên quan trực tiếp đến đầu tư, khai thác, chi phí quản lý, vận hành; chi phí sản xuất, cung ứng dịch vụ thoát nước.

# Phương pháp định giá dịch vụ thoát nước

1. Giá dịch vụ thoát nước được xác định trên đơn vị là mét khối (m3) nước thải; cơ cấu giá dịch vụ thoát nước phân theo tính chất, nhóm nước thải (nước thải sinh hoạt, sản xuất, dịch vụ) hoặc theo hàm lượng chất gây ô nhiễm trong nước thải; được xác định phù hợp với đặc điểm của hệ thống thoát nước hiện có và các chi phí hợp lý trong quản lý vận hành.

2. Phương án giá dịch vụ thoát nước bao gồm phương án giá quản lý vận hành mạng lưới thoát nước đối với địa bàn chưa có nhà máy xử lý nước thải; phương án giá quản lý vận hành mạng lưới thoát nước và xử lý nước thải đối với địa bàn đã có nhà máy xử lý nước.

3. Giá dịch vụ thoát nước được xác định cho từng loại hệ thống thoát nước bao gồm:

a) Hệ thống thoát nước chung;

b) Hệ thống thoát nước riêng.

4. Giá dịch vụ thoát nước được xác định theo khối lượng nước thải và hàm lượng chất gây ô nhiễm trong nước thải hoặc được xác định theo khối lượng nước sạch sử dụng và theo tính chất, nhóm nước thải.

5. Bộ quản lý ngành chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan hướng dẫn nguyên tắc, phương pháp định giá cụ thể đối với dịch vụ thoát nước.

# Điều chỉnh giá dịch vụ thoát nước

1. Hằng năm hoặc trong các năm tiếp theo, khi các căn cứ định giá tại Luật này có thay đổi tác động làm thay đổi mức giá thì cơ quan, tổ chức được giao quyền lập phương án giá có trách nhiệm lập hồ sơ phương án điều chỉnh giá trình cấp có thẩm quyền quyết định.

2. Các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền định giá, điều chỉnh giá phải có trách nhiệm kịp thời xem xét, quyết định điều chỉnh giá hoặc lộ trình giá cho phù hợp bảo đảm quyền lợi hợp pháp của hộ thoát nước, đơn vị thoát nước.

# Thẩm quyền quyết định giá, điều chỉnh giá dịch vụ thoát nước

1. Chủ đầu tư kinh doanh, phát triển hạ tầng khu chức năng quyết định giá dịch vụ thoát nước thải sản xuất, dịch vụ sau khi thỏa thuận với các chủ đầu tư trong khu chức năng và lấy ý kiến thỏa thuận của cơ quan quản lý nhà nước về thoát nước, cơ quan quản lý giá tại địa phương.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức lập, thẩm định, ban hành giá và điều chỉnh giá dịch vụ thoát nước đô thị và nông thôn.

3. Bộ quản lý ngành hướng dẫn quy định quy trình lập, thẩm định, quyết định giá đối với dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải.

# Quản lý, sử dụng nguồn thu từ giá dịch vụ thoát nước

1. Phương thức thu tiền giá dịch vụ thoát nước:

a) Đối với hộ thoát nước là hộ gia đình, cơ quan, tổ chức sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước và có hoạt động xả nước thải phân theo tính chất, nhóm nước thải; đơn vị cấp nước trên địa bàn có trách nhiệm tổ chức thu tiền giá dịch vụ thoát nước thông qua hóa đơn thu tiền nước và được hưởng chi phí dịch vụ đi thu;

b) Đối với hộ thoát nước là tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp có hoạt động xả nước thải sản xuất, dịch vụ vào hệ thống thoát nước có khối lượng nước thải lớn, hàm lượng chất gây ô nhiễm trong nước thải cao hoặc hộ thoát nước không sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước, đơn vị thoát nước trực tiếp hoặc phối hợp với đơn vị cấp nước thu tiền giá dịch vụ thoát nước.

2. Hộ thoát nước đã chi trả tiền giá dịch vụ thoát nước thì không phải chi trả phí bảo vệ môi trường đối với nước thải.

3. Nguồn thu từ giá dịch vụ thoát nước được ưu tiên sử dụng cho các hoạt động sau:

a) Quản lý vận hành hệ thống thoát nước;

b) Đầu tư xây dựng nhà máy xử lý nước thải;

c) Đầu tư xây dựng mạng lưới thoát nước;

d) Các hoạt động liên quan đến xây dựng cơ sở dữ liệu, kiểm tra, xử lý vi phạm hệ thống thoát nước.

4. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ quản lý ngành hướng dẫn cụ thể việc quản lý, sử dụng nguồn thu từ dịch vụ thoát nước.

## Chương VII

## TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ CẤP, THOÁT NƯỚC

# Trách nhiệm của Chính phủ, Bộ, cơ quan ngang Bộ

1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về cấp nước, thoát nước trong phạm vi cả nước.

2. Bộ quản lý ngành là Bộ Xây dựng và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện chức năng quản lý nhà nước về cấp, thoát nước. Chính phủ phân công cụ thể chức năng, nhiệm vụ của Bộ quản lý ngành.

3. Bộ quản lý ngành là cơ quan giúp Chính phủ thực hiện chức năng quản lý nhà nước về cấp, thoát nước; có trách nhiệm:

a) Ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật về cấp, thoát nước, chiến lược phát triển cấp, thoát nước, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, định mức kinh tế - kỹ thuật về cấp, thoát nước;

b) Tổ chức giám sát, kiểm tra việc thực hiện các quy hoạch cấp, thoát nước;

c) Thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật về cấp, thoát nước theo thẩm quyền; hướng dẫn, chỉ đạo hoạt động cấp, thoát nước trên phạm vi toàn quốc;

d) Thực hiện trách nhiệm khác theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

4. Bộ Y tế, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, thực hiện quản lý nhà nước về sức khỏe cộng đồng, ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sinh hoạt; tổ chức kiểm tra và giám sát việc thực hiện quy chuẩn chất lượng nước sinh hoạt trên phạm vi toàn quốc; cung cấp thông tin, số liệu về chất lượng nước sinh hoạt và thực hiện trách nhiệm khác theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

5. Bộ Tài nguyên và Môi trường, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, thực hiện quản lý nhà nước về tài nguyên nước, có trách nhiệm quản lý, bảo vệ, điều phối tài nguyên nước làm nguồn nước thô cho các nhà máy nước, ưu tiên nguồn nước cho cấp nước sinh hoạt; cung cấp thông tin, số liệu để khai thác, sử nguồn nước thô và thực hiện trách nhiệm khác theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

6. Bộ Quốc phòng, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm quản lý công trình cấp, thoát nước trong lĩnh vực quân sự và quốc phòng, an ninh.

7. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Bộ quản lý ngành để thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động cấp, thoát nước.

# Trách nhiệm quản lý nhà nước về cấp, thoát nước của Ủy ban nhân dân các cấp

1. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh:

a) Thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động cấp, thoát nước trên địa bàn do mình quản lý;

b) Ban hành theo thẩm quyền và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật về cấp, thoát nước;

c) Quy định chức năng, nhiệm vụ, phân cấp quản lý về hoạt động cấp, thoát nước cho các cơ quan chuyên môn và Ủy ban nhân dân các cấp do mình quản lý;

d) Tổ chức ứng phó, khắc phục sự cố, thiên tai liên quan đến chất lượng nước sạch, mất nước, ô nhiễm môi trường do nước thải, ngập úng;

đ) Thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật về cấp, thoát nước trên địa bàn;

e) Tổ chức xây dựng, hướng dẫn triển khai dịch vụ công trực tuyến về cấp, thoát nước theo thẩm quyền; phổ biến, tuyên truyền, truyền thông về cấp, thoát nước.

f) Thực hiện trách nhiệm khác theo quy định của Luật này.

2. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân theo phân cấp:

a) Tổ chức và phát triển các dịch vụ cấp, thoát nước cho các nhu cầu khác nhau theo địa bàn quản lý, phù hợp với sự phát triển cộng đồng và tham gia vào quy hoạch chung của vùng về cấp, thoát nước;

b) Khi có nhu cầu về cấp, thoát nước, Ủy ban nhân dân các cấp phải áp dụng các biện pháp thích hợp để đảm bảo các dịch vụ cấp, thoát nước đầy đủ, có sẵn đáp ứng nhu cầu cấp, thoát nước của cộng đồng;

c) Phổ biến, tuyên truyền, truyền thông về cấp, thoát nước nhằm nâng cao nhận thức về khai thác, sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả;

d) Thực hiện trách nhiệm khác theo quy định của Luật này.

# Quyền và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong hoạt động cấp, thoát nước

1. Tổ chức, cá nhân có quyền khiếu nại, tố cáo vi phạm pháp luật trong hoạt động cấp, thoát nước; có trách nhiệm phát hiện, ngăn chặn và kiến nghị xử lý kịp thời những vi phạm pháp luật trong hoạt động cấp, thoát nước.

2. Việc giải quyết khiếu nại, tố cáo vi phạm pháp luật trong hoạt động cấp, thoát nước được thực hiện theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

3. Trong thời gian khiếu nại, tố cáo hoặc khởi kiện, tổ chức, cá nhân vẫn phải thi hành quyết định hành chính của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về cấp, thoát nước. Khi có quyết định giải quyết khiếu nại, tố cáo trong hoạt động cấp, thoát nước của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền hoặc quyết định của Toà án đã có hiệu lực thì thi hành theo các quyết định, bản án đó.

4. Tổ chức hoặc cá nhân vi phạm các hành vi bị cấm trong hoạt động cấp, thoát nước được quy định tại Điều 11 của Luật này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp các hành vi vi phạm pháp luật trong hoạt động cấp, thoát nước gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của các tổ chức, cá nhân thì đối tượng vi phạm phải bồi thường thiệt hại.

## Chương VIII

## ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

# Sửa đổi, bổ sung một số luật có liên quan đến cấp, thoát nước

1. Sửa đổi, bổ sung điểm g Khoản 4 Điều 3 Luật Giá số 16/2023/QH15 như sau:

“g) Giá nước sạch, giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải được thực hiện theo quy định của pháp luật về cấp, thoát nước;”.

2. Sửa đổi, bổ sung điểm đ Khoản 4 Điều 29 Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 như sau:

 “đ) Nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư công trình cấp nước theo quy định của pháp luật về cấp, thoát nước”.

# Hiệu lực thi hành

1. Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

2. Việc ký kết hợp đồng thực hiện dịch vụ cấp nước quy định tại Khoản 1 Điều 45, lập kế hoạch phát triển cấp nước theo vùng phục vụ cấp nước quy định tại Điều 30, lập kế hoạch cấp nước an toàn quy định tại Điều 33 của Luật này được thực hiện từ ngày 01 tháng 7 năm 2027.

3. Việc cấp Giấy chứng nhận kinh doanh nước sinh hoạt quy định tại Điều 44 của Luật này được thực hiện từ ngày 01 tháng 7 năm 2028.

# Quy định chuyển tiếp

1. Tổ chức, cơ quan đã thực hiện ký kết thỏa thuận thực hiện dịch vụ cấp nước theo quy định của Nghị định số 117/2007/NĐ-CP trước ngày Luật này có hiệu lực thì tiếp tục thực hiện cho đến ngày 01 tháng 7 năm 2027; kể từ ngày Luật Cấp, Thoát nước có hiệu lực thi hành đến ngày 01 tháng 7 năm 2027, việc điều chỉnh thỏa thuận thực hiện dịch vụ cấp nước được thực hiện theo quy định của Nghị định số 117/2007/NĐ-CP.

2. Tổ chức, cơ quan đã thực hiện lập, thẩm định, phê duyệt kế hoạch phát triển cấp nước theo vùng phục vụ cấp nước theo quy định của Nghị định số 117/2007/NĐ-CP trước ngày Luật này có hiệu lực thì tiếp tục thực hiện cho đến ngày 01 tháng 7 năm 2027; kể từ ngày Luật Cấp, Thoát nước có hiệu lực thi hành đến ngày 01 tháng 7 năm 2027, việc điều chỉnh kế hoạch phát triển cấp nước theo vùng phục vụ cấp nước được thực hiện theo quy định của Nghị định số 117/2007/NĐ-CP.

3. Tổ chức, cơ quan đã thực hiện lập, thẩm định, phê duyệt kế hoạch cấp nước an toàn theo quy định của Nghị định số 117/2007/NĐ-CP trước ngày Luật này có hiệu lực thì tiếp tục thực hiện cho đến ngày 01 tháng 7 năm 2027 kể từ ngày Luật Cấp, Thoát nước có hiệu lực thi hành đến ngày 01 tháng 7 năm 2027, việc điều chỉnh kế hoạch cấp nước an toàn được thực hiện theo quy định của Nghị định số 117/2007/NĐ-CP.

4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức rà soát, đánh giá chất lượng xây dựng công trình cấp nước, chất lượng dịch vụ cấp nước trên địa bàn theo quy định tại Khoản 2 Điều 43:

a) Đối với công trình cấp nước phân tán không đạt chất lượng nước sạch quy định tại Khoản 8 Điều 2, chỉ đạo chủ đầu tư, đơn vị cấp nước thực hiện đầu tư, cải tạo công trình cấp nước phân tán bảo đảm chất lượng nước sạch đúng quy định trong thời gian 12 tháng;

b) Chỉ đạo chủ đầu tư, đơn vị cấp nước công trình cấp nước tập trung đầu tư, phát triển mạng lưới truyền tải nước sạch từ công trình cấp nước tập trung đến các vùng phục vụ, các khu vực sử dụng nước;

c) Trong trường hợp công trình cấp nước phân tán sau đầu tư, cải tạo vẫn không bảo đảm chất lượng nước sạch đúng quy định; chỉ đạo chủ đầu tư, đơn vị cấp nước thực hiện kết nối, tiếp nhận nguồn nước sạch từ mạng lưới truyền tải nước sạch của công trình cấp nước tập trung.

5. Đến năm 2030, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành và thực hiện thu giá dịch vụ thoát nước đô thị, nông thôn tối thiểu đủ chi phí vận hành, bảo trì hệ thống thoát nước.

*Luật này đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá … kỳ họp thứ ... thông qua ngày ... tháng ... năm 2025.*

|  |  |
| --- | --- |
|  | **CHỦ TỊCH QUỐC HỘI** |

**MỤC LỤC**

[Chương I 1](#_Toc186040400)

[NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG 1](#_Toc186040401)

[Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng 1](#_Toc186040402)

[Điều 2. Giải thích từ ngữ 1](#_Toc186040403)

[Điều 3. Nguyên tắc quản lý hoạt động cấp, thoát nước 4](#_Toc186040404)

[Điều 4. Chính sách phát triển cấp, thoát nước 5](#_Toc186040405)

[Điều 5. Sử dụng đất cho công trình cấp, thoát nước 6](#_Toc186040406)

[Điều 6. Nguồn nước cho hệ thống cấp nước 6](#_Toc186040407)

[Điều 7. Nguyên tắc kết hợp công trình cấp, thoát nước với các công trình hạ tầng kỹ thuật 7](#_Toc186040408)

[Điều 8. Phát triển khoa học công nghệ trong hoạt động cấp, thoát nước 7](#_Toc186040409)

[Điều 9. Hợp tác quốc tế trong hoạt động cấp, thoát nước 8](#_Toc186040410)

[Điều 10. Sự tham gia của cộng đồng trong hoạt động cấp, thoát nước 8](#_Toc186040411)

[Điều 11. Các hành vi bị cấm 8](#_Toc186040412)

[Chương II 9](#_Toc186040413)

[CHIẾN LƯỢC, QUY HOẠCH VÀ KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN CẤP, THOÁT NƯỚC 9](#_Toc186040414)

[Mục 1 9](#_Toc186040415)

[HỆ THỐNG THÔNG TIN, CƠ SỞ DỮ LIỆU CẤP, THOÁT NƯỚC 9](#_Toc186040416)

[Điều 12. Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu cấp, thoát nước 9](#_Toc186040417)

[Điều 13. Hoạt động điều tra cơ bản về cấp, thoát nước 10](#_Toc186040418)

[Điều 14. Tổ chức thực hiện điều tra cơ bản 11](#_Toc186040419)

[Điều 15. Cổng thông tin điện tử về cấp, thoát nước 11](#_Toc186040420)

[Mục 2 12](#_Toc186040421)

[CHIẾN LƯỢC, QUY HOẠCH VÀ KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN CẤP, THOÁT NƯỚC 12](#_Toc186040422)

[Điều 16. Chiến lược phát triển cấp, thoát nước quốc gia 12](#_Toc186040423)

[Điều 17. Nội dung quy hoạch cấp, thoát nước trong quy hoạch vùng 12](#_Toc186040424)

[Điều 18. Nội dung quy hoạch cấp, thoát nước trong quy hoạch tỉnh 13](#_Toc186040425)

[Điều 19. Phân vùng cấp nước, lưu vực thoát nước 14](#_Toc186040426)

[Điều 20. Kế hoạch phát triển cấp, thoát nước tỉnh 15](#_Toc186040427)

[Chương III 16](#_Toc186040428)

[ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG CẤP, THOÁT NƯỚC 16](#_Toc186040429)

[Mục 1 16](#_Toc186040430)

[ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG CẤP NƯỚC 16](#_Toc186040431)

[Điều 21. Quản lý đầu tư, phát triển hệ thống cấp nước 16](#_Toc186040432)

[Điều 22. Quản lý cấp nước theo vùng 17](#_Toc186040433)

[Điều 23. Dự án đầu tư xây dựng công trình cấp nước 18](#_Toc186040434)

[Điều 24. Nguồn lực đầu tư xây dựng công trình cấp nước 20](#_Toc186040435)

[Mục 2 21](#_Toc186040436)

[ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC 21](#_Toc186040437)

[Điều 25. Quản lý đầu tư, phát triển hệ thống thoát nước 21](#_Toc186040438)

[Điều 26. Dự án đầu tư xây dựng công trình thoát nước 22](#_Toc186040439)

[Điều 27. Nguồn lực đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước 23](#_Toc186040440)

[Chương IV 24](#_Toc186040441)

[QUẢN LÝ, VẬN HÀNH VÀ KHAI THÁC HỆ THỐNG CẤP, THOÁT NƯỚC 24](#_Toc186040442)

[Mục 1 24](#_Toc186040443)

[QUẢN LÝ, VẬN HÀNH VÀ KHAI THÁC HỆ THỐNG CẤP NƯỚC 24](#_Toc186040444)

[Điều 28. Nguyên tắc quản lý, vận hành và khai thác hệ thống cấp nước 24](#_Toc186040445)

[Điều 29. Yêu cầu quản lý, vận hành và khai thác hệ thống cấp nước 25](#_Toc186040446)

[Điều 30. Kế hoạch phát triển cấp nước theo vùng phục vụ 25](#_Toc186040447)

[Điều 31. Quản lý, vận hành và khai thác công trình cấp nước quy mô vùng liên tỉnh 26](#_Toc186040448)

[Điều 32. Quản lý sử dụng tài sản công trình cấp nước 26](#_Toc186040449)

[Điều 33. Bảo đảm an ninh, an toàn cấp nước 27](#_Toc186040450)

[Mục 2 29](#_Toc186040451)

[QUẢN LÝ, VẬN HÀNH VÀ KHAI THÁC HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC 29](#_Toc186040452)

[Điều 34. Nguyên tắc quản lý, vận hành và khai thác hệ thống thoát nước 29](#_Toc186040453)

[Điều 35. Yêu cầu quản lý, vận hành và khai thác hệ thống thoát nước 30](#_Toc186040454)

[Điều 36. Quy trình vận hành hệ thống thoát nước 31](#_Toc186040455)

[Điều 37. Quản lý thoát nước gắn với quản lý cao độ nền 32](#_Toc186040456)

[Điều 38. Quản lý công trình điều hòa nước 32](#_Toc186040457)

[Điều 39. Quản lý bùn thải 33](#_Toc186040458)

[Điều 40. Sử dụng nước mưa, tái sử dụng nước thải sau xử lý 33](#_Toc186040459)

[Điều 41. Quản lý sử dụng tài sản hệ thống thoát nước 34](#_Toc186040460)

[Điều 42. Quản lý thoát nước an toàn 34](#_Toc186040461)

[Chương V 35](#_Toc186040462)

[DỊCH VỤ CẤP, THOÁT NƯỚC 35](#_Toc186040463)

[Mục 1 35](#_Toc186040464)

[DỊCH VỤ CẤP NƯỚC 35](#_Toc186040465)

[Điều 43. Chất lượng dịch vụ cấp nước 35](#_Toc186040466)

[Điều 44. Điều kiện kinh doanh nước sinh hoạt 36](#_Toc186040467)

[Điều 45. Quản lý hợp đồng cấp nước 37](#_Toc186040468)

[Điều 46. Quản lý đấu nối cấp nước 38](#_Toc186040469)

[Điều 47. Quyền và trách nhiệm của đơn vị cấp nước và khách hàng sử dụng nước sạch 38](#_Toc186040470)

[Mục 2 40](#_Toc186040471)

[DỊCH VỤ THOÁT NƯỚC 40](#_Toc186040472)

[Điều 48. Quản lý hợp đồng thoát nước 40](#_Toc186040473)

[Điều 49. Quản lý đấu nối mạng lưới thoát nước 41](#_Toc186040474)

[Điều 50. Quyền và trách nhiệm của đơn vị thoát nước và hộ thoát nước 42](#_Toc186040475)

[Chương VI 43](#_Toc186040476)

[GIÁ NƯỚC SẠCH VÀ DỊCH VỤ THOÁT NƯỚC 43](#_Toc186040477)

[Mục 1 43](#_Toc186040478)

[GIÁ NƯỚC SẠCH 43](#_Toc186040479)

[Điều 51. Nguyên tắc, căn cứ định giá nước sạch 43](#_Toc186040480)

[Điều 52. Phương pháp định giá nước sạch 44](#_Toc186040481)

[Điều 53. Điều chỉnh giá nước sạch 44](#_Toc186040482)

[Điều 54. Thẩm quyền quyết định giá, điều chỉnh giá nước sạch 45](#_Toc186040483)

[Mục 2 45](#_Toc186040484)

[GIÁ DỊCH VỤ THOÁT NƯỚC 45](#_Toc186040485)

[Điều 55. Nguyên tắc, căn cứ định giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải 45](#_Toc186040486)

[Điều 56. Phương pháp định giá dịch vụ thoát nước 47](#_Toc186040487)

[Điều 57. Điều chỉnh giá dịch vụ thoát nước 47](#_Toc186040488)

[Điều 58. Thẩm quyền quyết định giá, điều chỉnh giá dịch vụ thoát nước 47](#_Toc186040489)

[Điều 59. Quản lý, sử dụng nguồn thu từ giá dịch vụ thoát nước 48](#_Toc186040490)

[Chương VII 48](#_Toc186040491)

[TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ CẤP, THOÁT NƯỚC 48](#_Toc186040492)

[Điều 60. Trách nhiệm của Chính phủ, Bộ, cơ quan ngang Bộ 48](#_Toc186040493)

[Điều 61. Trách nhiệm quản lý nhà nước về cấp, thoát nước của Ủy ban nhân dân các cấp 49](#_Toc186040494)

[Điều 62. Quyền và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong hoạt động cấp, thoát nước 50](#_Toc186040495)

[Chương VIII 51](#_Toc186040496)

[ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH 51](#_Toc186040497)

[Điều 63. Sửa đổi, bổ sung một số luật có liên quan đến cấp, thoát nước 51](#_Toc186040498)

[Điều 64. Hiệu lực thi hành 51](#_Toc186040499)

[Điều 65. Quy định chuyển tiếp 51](#_Toc186040500)